

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2012



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

THÔNG DIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông,

Năm 2012, nền kinh tế thế giới vẫn chưa thể thoát khỏi bóng ma của cuộc khủng hoảng kinh tế từ những năm trước. Kinh tế vĩ mô năm qua dù được đánh giá là dần ổn định nhờ các biện pháp can thiệp của chính phủ, lạm phát được kiềm chế, mặt bằng lãi suất không có nhiều biến động; nhưng các doanh nghiệp vẫn gặp nhiều khó khăn trong công tác tiếp cận nguồn vốn vay từ ngân hàng. Lượng tồn kho lớn, nợ xấu gia tăng dẫn đến hàng loạt doanh nghiệp vừa và nhỏ giải thể cũng như tạm ngưng hoạt động. Thị trường bất động sản vẫn trong tình trạng đình trệ, chưa có khả năng phục hồi, tiềm ẩn nhiều rủi ro cho doanh nghiệp. Từ đó dẫn đến nhu cầu vật liệu xây dựng giảm mạnh, các khoản chi phí, nguyên vật liệu đầu vào có nhiều biến động. Tình hình các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, trong đó BIMICO cũng chịu ảnh hưởng không nhỏ.

Tuy nhiên, nhờ những lợi thế có được của Công ty, thấy được những khó khăn và tận dụng những cơ hội, có giải pháp phù hợp thích nghi với từng thời điểm, linh hoạt trong quá trình điều hành, kết quả mang lại tương đối tốt. Kết thúc năm 2012, tổng tài sản Công ty đạt mức 691 tỷ đồng, tăng 5,29% so với năm 2011. Tổng doanh thu đạt 579 tỷ đồng, vượt kết quả thực hiện 2011 và kế hoạch năm; lợi nhuận trước thuế đạt 121 tỷ đồng. Trong năm qua, Công ty cũng đã tích cực đầu tư thực hiện các dự án chiến lược và dự án tiềm năng; đầu tư nâng cấp trang thiết bị, nhà xưởng, máy móc phục vụ cho hoạt động khai thác,

chế biến khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng. Ngoài ra, ngày 13/02/2012, thủ tướng chính phủ đã chấp thuận mở rộng diện tích khu công nghiệp Đất Cuốc lên 552,16 ha. BIMICO cũng đã áp dụng nghiêm ngặt quy trình sản xuất chất lượng theo tiêu chuẩn ISO: 9001-2008.

Nhận định năm 2013 tiếp tục là một năm với nhiều gian nan và thử thách. Nền kinh tế vĩ mô vẫn còn nhiều biến động, lạm phát vẫn có nguy cơ tăng cao... gây khó khăn chung cho các doanh nghiệp trong ngành nói chung và Công ty cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương nói riêng. Vì thế, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty luôn trong tư thế sẵn sàng, chủ động nắm bắt tình hình để có thể đưa ra những chính sách, chiến lược kịp thời và hiệu quả. Dựa trên những nhận định và đánh giá tình hình kinh tế 2013, ban lãnh đạo đề ra kế hoạch tổng doanh thu năm 569,5 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 117 tỷ đồng. BIMICO cam kết nỗ lực thực hiện, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch được giao, nâng cao công tác quản trị và sử dụng hiệu quả nguồn lực Công ty; phấn đấu vì mục tiêu phát triển bền vững và chuyên nghiệp.

Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành và lợi chúc tốt đẹp đến Quý cổ đông, hi vọng BIMICO sẽ luôn nhận được sự tin tưởng và ủng hộ từ phía Quý cổ đông.

Trân trọng

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Trần Đình Hải



NỘI DUNG

GIỚI THIỆU CÔNG TY □

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM □

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC □

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ □

QUẢN TRỊ CÔNG TY □

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012 □





GIỚI THIỆU CÔNG TY

Thông tin khái quát ☐

Lịch sử hình thành và phát triển ☐

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh ☐

Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý ☐

Định hướng phát triển ☐

Rủi ro ☐

Thông tin khái quát

Tên công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG
Tên tiếng anh	BINH DUONG MINERAL AND CONSTRUCTION JOINT-STOCK COMPANY
Tên viết tắt	BIMICO
Biểu tượng Công ty	
Trụ sở chính	Đại lộ Bình Dương, khu phố Hòa Lân 1, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.
Điện thoại	(84.65) 3822602
Fax	(84.65) 3823922
Email	Bimico@binhduong.com.vn
Website	www.bimico.com.vn
Vốn Điều lệ	180.000.000.000 đồng
Lĩnh vực hoạt động	- Thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản. - Sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất nước uống tinh khiết, các loại thép hình, cầu kiện bê tông. - Xây dựng cơ sở hạ tầng kinh doanh bất động sản, khu công nghiệp. - Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật mỏ, công trình giao thông, xây dựng dân dụng. - Kinh doanh các loại vật liệu xây dựng và dịch vụ khác.
Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh	- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu: số 4603000226 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 27 tháng 04 năm 2006 và được thay đổi nhiều lần, lần 5 ngày 09/03/2012. Mã số doanh nghiệp: 3700148825 - Chi nhánh khai thác và chế biến Cao lanh Minh Long Địa chỉ: Ấp 1, Xã Minh Long, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước Mã số chi nhánh: 3700148825-002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 05 tháng 09 năm 2011.

*Lịch sử hình thành và phát triển***1993**

- Thành lập Công ty - Doanh nghiệp nhà nước

2006

- Cổ phần hóa và chính thức hoạt động với hình thức Công ty cổ phần

2007

- Đăng ký Công ty đại chúng

2010

- Niêm yết cổ phiếu trên HOSE với mã chứng khoán KSB
- Tăng vốn điều lệ lần I lên 107 tỷ đồng

2012

- Tăng vốn điều lệ lần II lên 180 tỷ đồng

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Hiện nay Công ty cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương đang hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:

- Thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản.
- Sản xuất vật liệu xây dựng, các loại thép hình, cấu kiện bê tông đúc sẵn.
- Xây dựng cơ sở hạ tầng kinh doanh bất động sản (khu công nghiệp – khu dân cư)
- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngành khai thác mỏ, điện cơ mỏ, đường giao thông.
- Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.
- Kinh doanh các loại vật liệu xây dựng và các dịch vụ khác: nhà ở, xử lý nước thải, cho thuê nhà xưởng...

Mỏ đá Tân Mỹ



Mỏ đá Phước Vĩnh



Mỏ đá Tân Đông Hiệp



Các sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu

Khu Công nghiệp Đất Cuốc



Các sản phẩm đá xây dựng



Cao lanh chế biến



Gạch Tuynel Bình Phú



Cát xây dựng



Cao lanh nguyên khai



Nước đóng chai



Đội xây dựng



Cống bê tông ly tâm



Địa bàn kinh doanh

1/ Xí nghiệp khai thác và chế biến đá Tân Đông Hiệp

Địa chỉ: xã Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

2/ Ban quản lý Cựm mỏ đá Tân Đông Hiệp

Địa chỉ: xã Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3/ Xí nghiệp khai thác và chế biến đá Phước Vĩnh

Địa chỉ: Thửa đất số 305, TĐĐ số 57, thị trấn Phước Vĩnh, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

4/ Xí nghiệp khai thác và chế biến đá Tân Mỹ

Địa chỉ: Thửa đất số 972, TĐĐ số 58, ấp 1, xã Tân Mỹ, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

5/ Xí nghiệp khai thác và chế biến cao lanh Tân Thành

Địa chỉ: Thửa đất số 67 và 303, TĐĐ số 37 và 38, ấp Suối Sâu, xã Đất Cuốc, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

6/ Xí nghiệp khai thác và chế biến cao lanh Minh Long

Địa chỉ: Ấp 1, xã Minh Long, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

7/ Xí nghiệp khai thác cát Dầu Tiếng

Địa chỉ: Thửa đất 159, TĐĐ 38, ấp Đồng Sến, xã Định An, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

8/ Xí nghiệp vận tải, bốc dỡ và xử lý môi trường Tân Mỹ

Địa chỉ: xã Tân Mỹ, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

9/ Xí nghiệp sản xuất bê tông đúc sẵn

Địa chỉ: xã Đất Cuốc, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

10/ Nhà máy gạch Bình Phú

Địa chỉ: xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

11/ Xí nghiệp khảo sát, thiết kế và thi công xây dựng

Địa chỉ: phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

12/ Xí nghiệp đầu tư phát triển khu công nghiệp Đất Cuốc

Địa chỉ: xã Đất Cuốc, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

13/ Xí nghiệp Bình Đức Tiến

Địa chỉ: đường Phan Thanh Giản, tổ 25, khu phố Bình Đức 1, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

14/ Xí nghiệp sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai

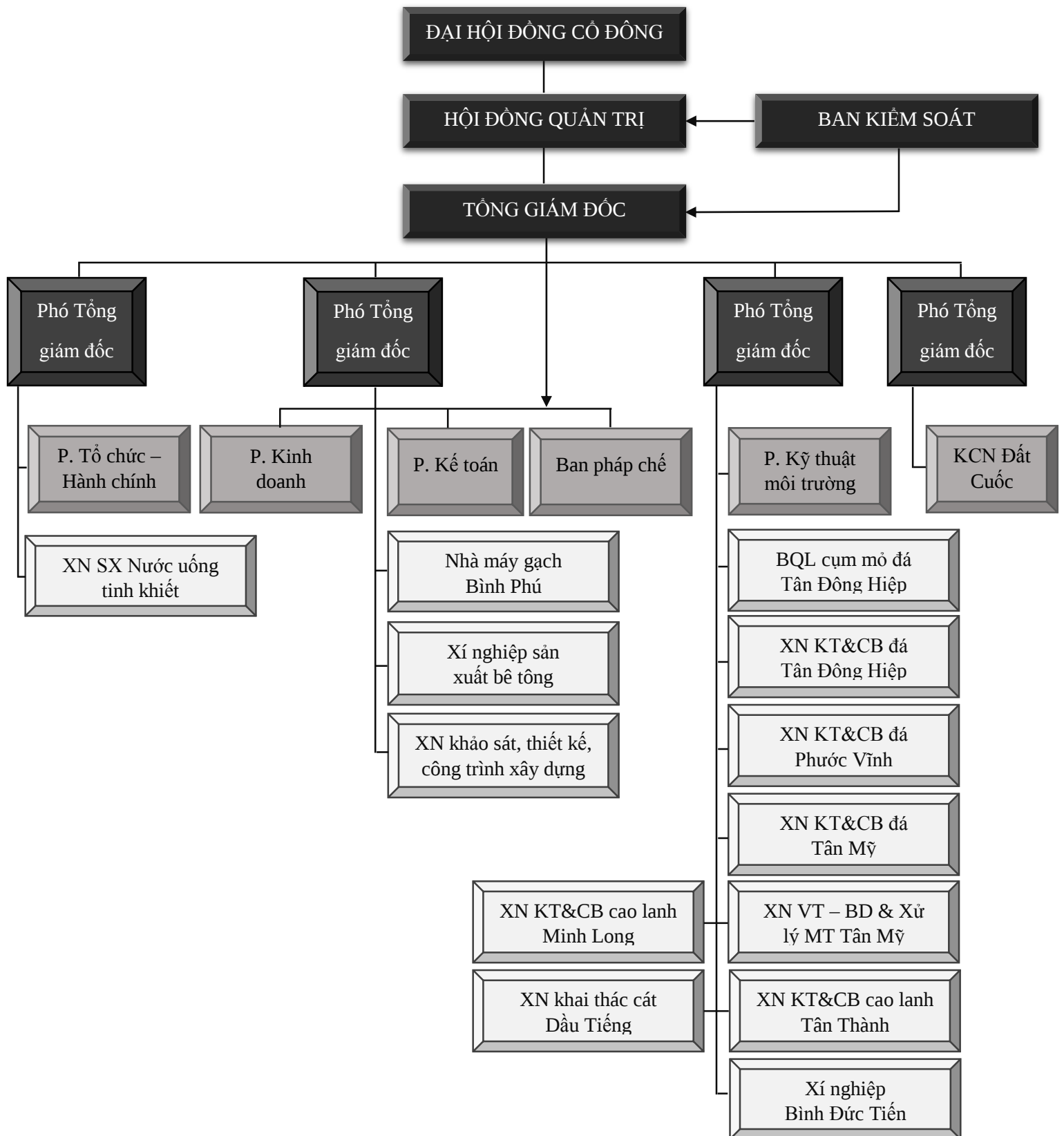
Địa chỉ: phường Thuận Giao, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương.



Các thành tích đạt được



Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý



Công ty con / Công ty liên kết

Không có

Định hướng phát triển

- Khai thác, chế biến khoáng sản là chủ lực, là cốt lõi của công ty.
- Duy trì và củng cố các mỏ hiện có, tìm kiếm phát triển mỏ mới
- Đổi mới công nghệ, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu, môi trường...
- Đầu tư đa dạng hoá sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đem lại sự ổn định để phát triển bền vững cho công ty và đáp ứng nhu cầu khách hàng ngày càng tốt hơn.
- Giữ vững vị thế của công ty trên thị trường; Công ty cổ phần Khoáng Sản & Xây Dựng Bình Dương sẵn sàng hợp tác với tất cả khách hàng, đối tác để cùng hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.
- Tập trung đầu tư các lĩnh vực chính có chọn lọc phục vụ cho sản xuất kinh doanh hiện tại và mục tiêu lâu dài.
- Thực hiện đúng các quy định pháp luật đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ và đầu tư
- Quan tâm đến việc thực hiện các hoạt động vì môi trường, cộng đồng và xã hội.



Rủi ro

Rủi ro kinh tế

Tốc độ tăng trưởng GDP là thước đo sự phát triển kinh tế nói chung và ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của các ngành nghề nói riêng. Nền kinh tế càng phát triển càng kéo theo nhu cầu đầu tư của xã hội ngày một lớn hơn, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sản xuất vật liệu xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng, trong đó có Công ty cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương.

Năm 2012, nền kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề từ tình trạng khủng hoảng. Tốc độ tăng trưởng GDP cuối năm 2012 đạt mức 5,03%, mức thấp nhất trong 13 năm, đã gây ra không ít khó khăn cho BIMICO. Dự báo trong năm 2013, tình hình kinh tế sẽ có những bước phục hồi khả quan, tuy nhiên sẽ vẫn tồn tại nhiều diễn biến bất thường. Vì thế, doanh nghiệp phải luôn trong tư thế sẵn sàng để đối mặt với sự bất ổn của tình hình kinh tế.

Rủi ro đặc thù

Hiện nay, Công ty hoạt động trong nhiều lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh; tuy nhiên, doanh thu chính của Công ty vẫn chủ yếu là từ lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản. Bản thân ngành khai thác và chế biến khoáng sản có những rủi ro tiềm ẩn đặc thù về trữ lượng, hàm lượng khoáng, điều kiện khai thác tác động đến môi trường sống, hạ tầng kỹ thuật khu vực khai thác, môi trường đô thị; dây chuyền, quy trình sản xuất... Bất kỳ rủi ro nào cũng đều có thể dẫn đến nguy cơ mỏ bị đóng cửa, ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, các ngành nghề kinh doanh khác của Công ty còn mang tính nhỏ lẻ, tỷ trọng thị phần thấp, khả năng cạnh tranh trên thị trường còn yếu.



Rủi ro lạm phát

Tình trạng lạm phát ngày càng tăng cao sẽ làm giả cả vật tư, nguyên liệu đầu vào, chi phí nhân công, chi phí quản lý doanh nghiệp liên tục gia tăng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Bên cạnh đó, việc giá bán sản phẩm dịch vụ tăng chậm hơn so với tỷ lệ lạm phát sẽ làm hiệu quả hoạt động của Công ty bị ảnh hưởng đáng kể.

Rủi ro luật pháp

Là một doanh nghiệp hoạt động với hình thức Công ty cổ phần, BIMICO chịu sự chi phối trực tiếp từ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản dưới luật khác. Ngoài ra, do đặc trưng ngành nghề sản xuất kinh doanh nên BIMICO còn chịu sự ảnh hưởng từ Luật khoáng sản và Luật môi trường. Bất kỳ sự thay đổi nào trong các văn bản luật đều tác động đến tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, khủng bố, chiến tranh... luôn xảy ra bất ngờ và mang tính chất nghiêm trọng. Do đó, những rủi ro này nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của Công ty.



Hoạt động cộng đồng, xã hội

Kết hợp với chính quyền các địa phương nơi tổ chức kinh doanh đặc biệt là lĩnh vực khai thác chế biến khoáng sản, thống nhất chính sách hỗ trợ cho nhân dân như: việc làm, đền bù thiệt hại hoa màu, làm đường, cung cấp điện, nước, chăm sóc sức khỏe... hàng tháng, hàng quý, Tết, lễ để người dân đồng tình chia sẻ, ủng hộ.

Đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng của các xã phường, huyện thị trên tất cả các địa bàn sản xuất kinh doanh của Công ty: đường xá, cầu cống, trường học, cơ sở y tế, giáo dục, tôn giáo, văn hóa... tạo sự đồng thuận bằng vật liệu xây dựng, bằng tiền.

Phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng, nhà tình nghĩa, nhà tình thương, học sinh nghèo vượt khó, trẻ em mồ côi khuyết tật, chất độc da cam, đồng bào thiên tai lũ lụt, vùng sâu, vùng xa, căn cứ cách mạng.

Ủng hộ thông qua quỹ vì người nghèo của tỉnh Bình Dương do UBMTTQ vận động hàng năm và định kỳ các chương trình từ thiện nhân đạo khác.

Tổng số tiền ủng hộ năm 2012 là: 5.396.810.287 đồng bằng quỹ khen thưởng phúc lợi.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- ☐ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ☐ Tổ chức và nhân sự
- ☐ Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- ☐ Tình hình tài chính
- ☐ Cơ cấu cổ đông

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

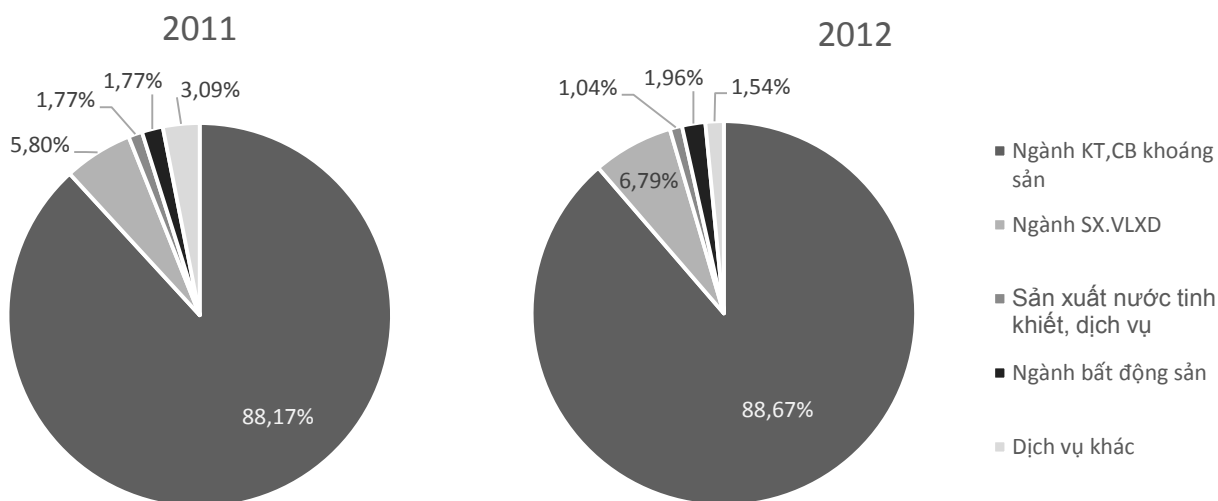
Tổng quan tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	2011	2012	So với 2011
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	554.031.490.388	569.617.654.404	102,81%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	554.031.490.388	569.617.654.404	102,81%
4	Giá vốn hàng bán	345.328.009.405	374.930.089.536	108,57%
5	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	208.703.480.983	194.687.564.868	93,28%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	14.824.051.918	4.490.692.875	30,29%
7	Chi phí tài chính	-	1.608.450.167	-
8	Chi phí bán hàng	40.177.169.184	48.299.150.823	120,22%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.717.878.122	29.210.294.674	123,16%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	159.632.485.595	120.060.362.079	75,21%
11	Thu nhập khác	2.830.615.480	4.432.294.778	156,58%
12	Chi phí khác	981.191.703	3.309.017.424	337,24%
13	Lợi nhuận khác	1.849.423.777	1.123.277.354	60,74%
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	161.481.909.372	121.183.639.433	75,04%
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	42.117.235.189	32.340.992.366	76,79%
17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(639.302.226)	(1.538.312.193)	240,62%
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	120.003.976.409	90.380.959.260	75,31%
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.664	5.552	52,06%



Cơ cấu doanh thu

STT	Ngành SXKD	Thực hiện 2011	Thực hiện 2012	So với 2011
	Cơ cấu SP			
I	Ngành KT,CB khoáng sản	504.064.340.052	513.005.374.766	101,77%
1	Đá xây dựng	476.093.205.883	484.804.488.001	101,83%
2	Cao lanh	15.527.472.236	12.633.881.602	81,36%
3	Sét gạch ngói	6.874.709.900	10.330.388.160	150,27%
4	Cát	5.568.952.033	5.236.617.003	94,03%
II	Ngành SX.VLXD	33.144.372.770	39.268.204.974	118,48%
1	Gạch Tuynel	21.373.283.231	22.357.665.292	104,61%
2	Beton đúc sẵn	11.771.089.539	16.910.539.682	143,66%
III	Sản xuất nước tinh khiết, dịch vụ	6.695.563.285	5.990.886.368	89,48%
1	Nước tinh khiết	2.930.333.303	3.482.576.577	118,85%
2	Dịch vụ	3.765.229.982	2.508.309.791	66,62%
IV	Ngành bất động sản	10.127.214.281	11.353.188.296	112,11%
1	Khu CN Đất Cốc	10.127.214.281	11.353.188.296	112,11%
2	Bất động sản khác	-	-	-
V	Dịch vụ khác	17.654.667.398	8.922.987.653	50,54%
1	Doanh thu tài chính	14.824.051.918	4.490.692.875	30,29%
2	Doanh thu hoạt động khác	2.830.615.480	4.532.294.778	160,12%
	Tổng cộng	571.686.157.786	578.540.642.057	101,20%



Trong giai đoạn 2011 – 2012, BIMICO vẫn giữ ổn định cơ cấu doanh thu. Ngành khai thác, chế biến khoáng sản vẫn là lĩnh vực chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu (hơn 88%). Lĩnh vực sản xuất, vật liệu xây dựng, sản xuất nước tinh khiết và bất động sản hầu như không có sự thay đổi. Các dịch vụ khác giảm nhẹ tỷ trọng từ 3,09% còn 1,54%.

Có thể thấy, trong tình hình khó khăn chung, BIMICO vẫn giữ ổn định kết quả hoạt động lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản – ngành nghề kinh doanh chính của Công ty. Sản phẩm cao lanh và cát có xu thế giảm so với năm 2011, tuy nhiên, mặt hàng đá xây dựng và gạch sét ngói vẫn giữ được sự tin dùng của khách hàng. Các sản phẩm gạch ngói tuynel và beton đúc sẵn đều tăng trong năm 2012 đã làm tăng doanh thu ngành sản xuất, vật liệu xây dựng 18,48% so với năm trước. Việc đầu tư vào khu công nghiệp Đất Cuốc đã cho thấy hiệu quả phản ánh qua việc doanh thu ngành bất động sản tăng 12,11% trong năm 2012.

Cơ cấu lợi nhuận

STT	Ngành SXKD	Thực hiện 2011	Thực hiện 2012	So với 2011
1	KT,CB khoáng sản	141.447.494.655	112.831.013.472	79,77%
2	Ngành SX.VLXD	1.414.757.562	2.067.825.614	146,16%
3	Ngành nước tinh khiết, dịch vụ	1.332.939.713	1.240.684.542	93,08%
4	Bất động sản (KCN)	613.241.747	1.038.595.743	169,36%
5	Dịch vụ khác	16.673.475.695	4.005.520.062	24,02%
	Tổng cộng	161.481.909.372	121.183.639.433	75,04%

Lợi nhuận ngành sản xuất, vật liệu xây dựng tăng 46,16% và lợi nhuận ngành bất động sản tăng 69,36% trong năm 2012. Tuy nhiên, lợi nhuận ngành khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất nước tinh khiết và đặc biệt là các dịch vụ khác đã làm giảm tổng lợi nhuận trước thuế năm 2012 giảm 24,96% so với năm trước.

Tổ chức và nhân sự**Ban điều hành****Ông Trần Đình Hải – Tổng giám đốc**

Ngày tháng năm sinh	28/03/1956
CMND	280 326 278
Địa chỉ	Phường Phú Hòa - TP. Thủ Dầu Một - Bình Dương
Trình độ học vấn	Đại học
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật
Số cổ phần nắm giữ	35.936
Tỷ lệ nắm giữ	0,2%

Ông Hoàng Văn Lộc – Phó tổng giám đốc

Ngày tháng năm sinh	26/09/1956
CMND	280 473 054
Địa chỉ	Phường Phú Lợi - TP. Thủ Dầu Một - Bình Dương
Trình độ học vấn	Đại học
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư địa chất
Số cổ phần nắm giữ	20.187
Tỷ lệ nắm giữ	0,11%

Ông Đặng Quan Thung – Phó tổng giám đốc

Ngày tháng năm sinh	15/10/1956
CMND	280 552 928
Địa chỉ	Phường Phú Thọ - TP. Thủ Dầu Một - Bình Dương
Trình độ học vấn	Đại học
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Số cổ phần nắm giữ	19.430
Tỷ lệ nắm giữ	0,11%

Ông Phạm Văn Hiệp – Phó tổng giám đốc

Ngày tháng năm sinh	04/04/1962
CMND	280 129 244
Địa chỉ	Phường Chánh Nghĩa - TP. Thủ Dầu Một - Bình Dương
Trình độ học vấn	Đại học
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Số cổ phần nắm giữ	3.869
Tỷ lệ nắm giữ	0,02%

Bà Nguyễn Thị Thanh Mỹ - Phó tổng giám đốc

Ngày tháng năm sinh	20/09/1964
CMND	280 694 353
Địa chỉ	Phường Phú Lợi - TP. Thủ Dầu Một - Bình Dương
Trình độ học vấn	Đại học
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Số cổ phần nắm giữ	43.858
Tỷ lệ nắm giữ	0,24%

Ông Lục Thanh Sang – Kế toán trưởng

Ngày tháng năm sinh	09/02/1960
CMND	280 049 187
Địa chỉ	Phường Hiệp Thành - TP. Thủ Dầu Một - Bình Dương
Trình độ học vấn	Đại học
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Số cổ phần nắm giữ	13.710
Tỷ lệ nắm giữ	0,08%

Thay đổi cơ cấu Ban điều hành

Không có

Cán bộ công nhân viên

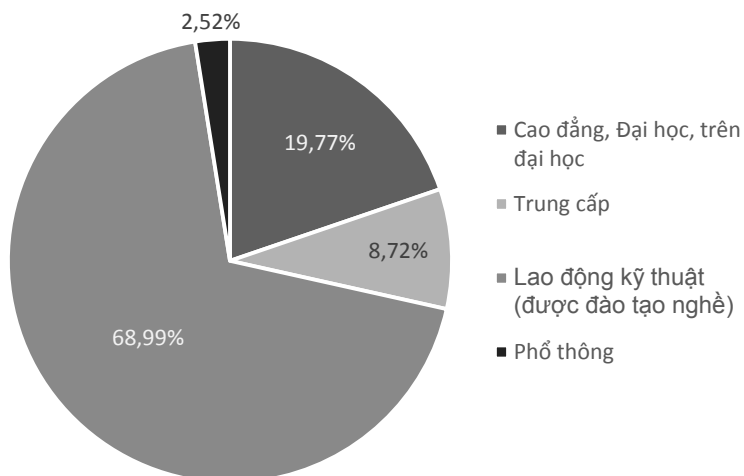
Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Tình hình lao động	Số người	Tỷ lệ
I.	Phân theo trình độ lao động	516	100%
1	Cao đẳng, Đại học, trên đại học	102	19,77%
2	Trung cấp	45	8,72%
3	Lao động kỹ thuật (được đào tạo nghề)	356	68,99%
4	Không xác định	13	2,52%
II	Phân theo tính chất lao động	516	100%
1	Lao động dài hạn	484	93,80%
2	Lao động có thời hạn	32	6,20%

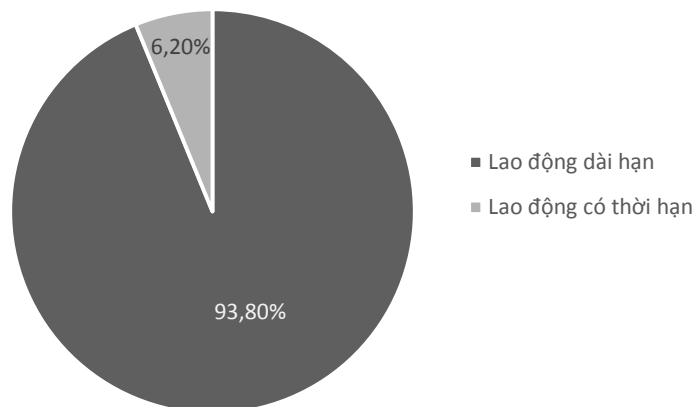
Kết thúc năm 2012, Công ty thống kê tổng cộng 516 lao động. Trong đó trình độ cao đẳng, đại học và trên đại học có 102 người, chiếm 19,77%; trung cấp 45 lao động, chiếm 8,72%. Lao động kỹ thuật chiếm tỷ lệ nhiều nhất trong cơ cấu lao động, chiếm 68,99% với tổng số 356 lao động. 2,52% còn lại là lao động phổ thông.

Xét theo tính chất hợp đồng lao động, 93,80% lao động công ty ký hợp đồng dài hạn. Hợp đồng có thời hạn chiếm 6,20% với 32 lao động.

Trình độ lao động



Hợp đồng lao động



Chính sách lao động

Chính sách đào tạo

Công nhân trực tiếp khai thác, vận hành thiết bị máy móc đã được đào tạo và tập huấn tại các trường công nhân kỹ thuật, trung tâm đào tạo chuyên ngành, các lớp tập huấn ngắn ngày. Cán bộ quản lý được cử đi học các khóa ngắn ngày để cập nhật kiến thức nâng cao kỹ năng chuyên môn.

Chế độ đối với người lao động

- Người lao động được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của bộ luật lao động: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thân thể, kinh phí công đoàn, bảo hộ lao động, thời gian lao động, nghỉ ngơi, ốm đau, thai sản, vệ sinh an toàn lao động, phòng chống cháy nổ... được thực hiện nghiêm chỉnh.
- Các quyền lợi khác của người lao động thông qua hoạt động của công đoàn cơ sở như tiền thưởng, cưới xin, ma chay và các khoản tiền khác được thực hiện theo nghị quyết của hội nghị người lao động hàng năm, đúng quy chế dân chủ theo ND87/2007/ND-CP của chính phủ và quy chế sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Tiền lương bình quân năm 2012: 5.963.930 đồng người/tháng; thu nhập bình quân (bao gồm tiền thưởng, tiền Tết, tiền lễ và những ngày kỉ niệm khác): 7.821.047 đồng/người/tháng.



Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án**Đầu tư dự án và kinh doanh bất động sản****a. Khu công nghiệp Đất Cước**

STT	Nội Dung	ĐVT	Tổng số	Trong đó	
				Khu A	Khu B
I	Tổng diện tích KCN	ha	212,00	103,8	108,2
1	Diện tích đất kinh doanh	ha	130,00	62,0	68,0
2	Diện tích đất làm hạ tầng, nhà ở, dịch vụ		82,00	41,8	40,2
II	Diện tích đất kinh doanh đã bán	ha	65,485	46,54	18,945
1	Các doanh nghiệp đang hoạt động	ha	26,979	22,643	4,336
2	Các doanh nghiệp đang xây dựng	ha	14,609	4	10,609
3	Các doanh nghiệp có quyết định thu hồi và bắt buộc chuyển ngành nghề kinh doanh	ha	6,372	6,372	-
4	Các doanh nghiệp chưa triển khai xây dựng	ha	17,525	13,525	4,000
III	Tỷ lệ lấp đầy	%	50	75	17,6
IV	Diện tích chưa cho thuê (tồn kho 31/12/12)	ha	64,532	15,477	49,055

Chuẩn bị đầu tư mở rộng

- Chủ trương đầu tư mở rộng được UBND tỉnh Bình Dương và Thủ tướng chính phủ chấp thuận và quy hoạch sử dụng đến 2020.
 - o Văn bản số 3687/TTR-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2011 của UBND tỉnh Bình Dương trình chính phủ.
 - o Văn bản số 189/TTG-KTN ngày 13 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng chính phủ đồng ý cho mở rộng với diện tích tăng thêm 340,16 ha nâng tổng diện tích khu công nghiệp Đất Cước là : 552,16 ha.
- Cam kết của Công ty với UBND tỉnh Bình Dương thực hiện triển khai dự án theo lộ trình từ năm 2014 đến năm 2018 theo hình thức cuốn chiếu.
- Thực hiện chuẩn bị đầu tư khu công nghiệp Đất Cước năm 2012
 - o Đang thỏa thuận lập quy hoạch chi tiết toàn bộ phần diện tích mở rộng để trình duyệt và phân kỳ đầu tư.
 - o Đã thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng đến thời điểm 31/12/2012: 25,02 ha.

b. Dự án Nhà máy bê tông đúc sẵn

Chuẩn bị đầu tư

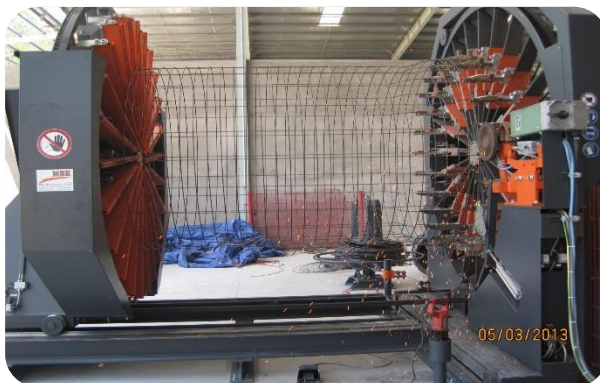
- Dự án hoàn thành các thủ tục theo trình tự
 - o Địa điểm xây dựng: tại khu công nghiệp Đất Cuốc
 - o Qui mô dự án:
Đầu tư mới 100% hệ thống sản xuất cốt bê tông rung lõi
Di chuyển Nhà máy bê tông ly tâm Thuận Giao Thuận An
Công suất: 250.000 mét cốt /năm
Diện tích sử dụng đất: 4.336 ha
- Tổng mức đầu tư của dự án: **89.665.418.110**
 - o Chi phí thiết bị, quản lý dự án, tư vấn xây dựng, dự phòng: 76.772.618.110
 - o Chi phí thuê đất (tạm tính): 12.892.800.000
- Đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép xây dựng, giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC, quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Thực hiện đầu tư đến 31/12/12:**40.428.062.518**

- Chi phí thiết bị xây lắp: 40.428.062.518
- Chi phí thuê đất: (chưa thực hiện)

Đang thực hiện dở dang chuyển quý I/2013:**49.237.355.592**

- Chi phí thiết bị xây lắp: 36.344.555.592
- Chi phí thuê đất: 12.892.800.000



c. Dự án đầu tư dịch vụ

- Hoàn thành các thủ tục về đầu tư:
 - o Địa điểm xây dựng: khu phố Hòa Lân, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
 - o Diện tích sử dụng đất: 1.335 ha là diện tích khu đất di dời Nhà máy bê tông ly tâm.
 - o Mục tiêu đầu tư xây dựng: đáp ứng nhu cầu của xã hội và kinh doanh sử dụng có hiệu quả diện tích đất trên.
 - o Qui mô đầu tư: nhà hàng tiệc cưới, sân bóng mini bar cafe, và cơ sở hạ tầng cảnh quan môi trường để làm dịch vụ.

- Tổng mức đầu tư: **25.714.973.430**
 - Chi phí xây dựng: 17.190.042.667
 - Chi phí thiết bị: 1.652.287.000
 - Giải phóng mặt bằng, tư vấn xây dựng, quản lý dự án, dự phòng: 6.872.643.763
- Các thủ tục pháp luật:
 - Chủ trương chấp thuận đầu tư khu dịch vụ của UBND tỉnh Bình Dương.
 - Giấy phép xây dựng số 137/GP.XD khu dịch vụ.
 - Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC.
 - Giấy chứng nhận đăng ký cam kết xử lý môi trường

d. Dự án Khu nhà ở biệt thự cao cấp Bình Đức Tiến

- Mục tiêu đầu tư: xây dựng hoàn chỉnh 1 khu biệt thự sinh thái cao cấp và thân thiện với môi trường phục vụ nhu cầu nhà ở và nghỉ dưỡng cho người dân trong và ngoài nước.
- Địa điểm xây dựng: khu phố Bình Đức, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Diện tích sử dụng đất: 26.716,66 m² (2,67 ha)
- Tổng khối lượng căn hộ: 30 căn biệt thự và 1 khu trung tâm
- Dân số: 200 người
- Tổng mức đầu tư: 60 tỷ

Thực hiện giai đoạn chuẩn bị đầu tư

- UBND tỉnh Bình Dương chấp thuận công nhận cho Công ty được làm chủ đầu tư dự án.
- Khoan khảo sát địa kỹ thuật công trình.
- Thiết kế mẫu kiến trúc nhà biệt thự và trung tâm.
- Lập bản đồ qui hoạch chi tiết 1/500.
- Đang tiến hành lập bản vẽ thiết kế cơ sở và lập dự án đầu tư.

Thực hiện dự án:

- Cơ bản hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng.

Tổng quan tình hình đầu tư 4 dự án

STT	Khoản mục đầu tư	Tổng mức	Đã hoàn thành	Thực hiện dở dang
1	Nhà máy bê tông	44.519.524.949	8.337.720.090	36,181,804,859
2	KCN Đất Cuốc	15.985.722.116	1.411.440.646	14,574,281,470
3	Bình Đức Tiến	436.747.000	436.747.000	-
4	Khu dịch vụ	702.717.720	702.717.720	-
Tổng		61,644,711,785	10.888.625.456	50.756.086.329



Tình hình tài chính

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	2011	2012	Tăng/ Giảm 2012
Tổng giá trị tài sản	656.048.292.761	690.764.886.985	5,29%
Doanh thu thuần	554.031.490.388	569.617.654.404	2,81%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	159.632.485.595	120.060.362.079	-24,79%
Lợi nhuận khác	1.849.423.777	1.123.277.354	-39,26%
Lợi nhuận trước thuế	161.481.909.372	121.183.639.433	-24,96%
Lợi nhuận sau thuế	120.003.976.409	90.380.959.260	-24,69%

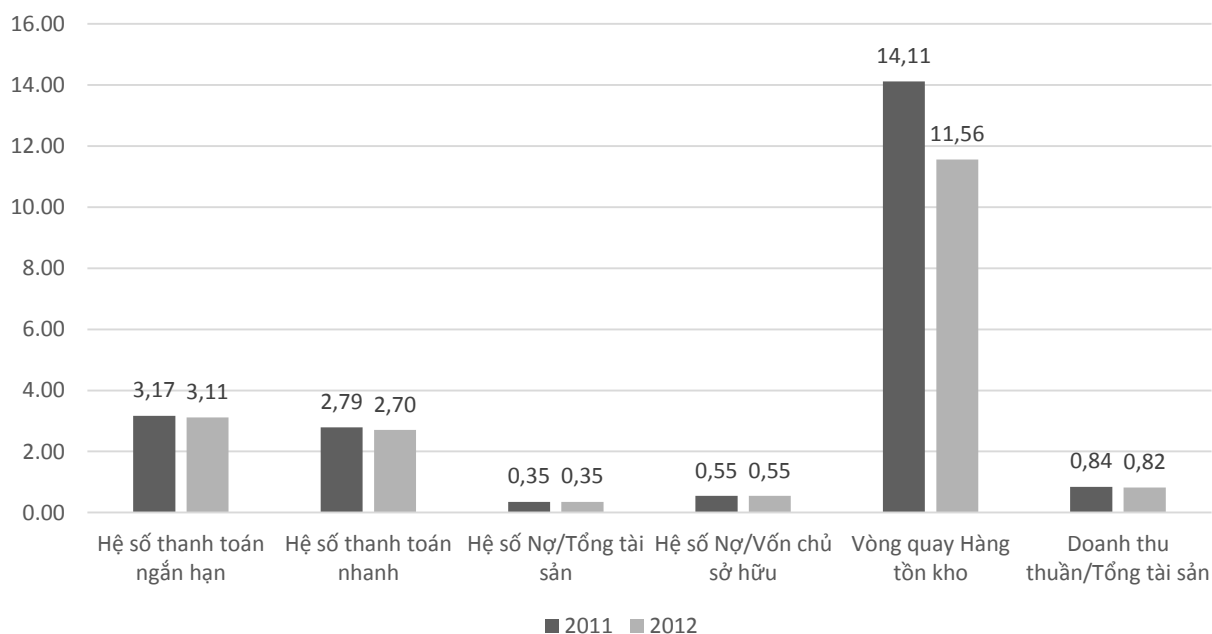
Kết thúc năm 2012, tổng tài sản Công ty đạt mức 691 tỷ đồng, tăng 5,29% so với năm 2011. Doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất, bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 2,81%, tuy nhiên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh lại giảm 24,79% so với năm trước. Tình hình kinh tế khó khăn là nguyên nhân tác động không nhỏ đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, chi phí đầu vào trong năm 2012 tăng nhiều là do phí bảo vệ môi trường trong khai

thác khoáng sản tăng, chi phí xử lý môi trường lớn; chi phí vật tư đầu vào biến động nhiều. Ngoài ra, việc chấp hành nghiêm ngặt pháp luật về hoạt động khai thác khoáng sản và các điều kiện phải đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác càng đẩy các khoản chi phí lên cao. Doanh thu từ hoạt động tài chính giảm nhiều so với 2011 và công nợ bị chiếm dụng cao là những nguyên nhân góp phần làm giảm lợi nhuận doanh nghiệp.



Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu tài chính	2011	2012
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	3,17	3,11
Hệ số thanh toán nhanh	2,79	2,70
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,35	0,35
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,55	0,55
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay Hàng tồn kho	14,11	11,56
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,84	0,82
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	21,66%	15,87%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (bình quân)	29,91%	20,75%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (bình quân)	19,12%	13,42%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	28,81%	21,08%



Khả năng thanh toán

Lượng hàng tồn kho chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu tài sản ngắn hạn của Công ty; vì thế có thể dễ dàng nhận thấy giữa hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh không có sự chênh lệch quá lớn. Năm 2012, hệ số thanh toán ngắn hạn giảm nhẹ từ 3,17 còn 3,11. Nguyên nhân là do trong năm 2012, tài sản ngắn hạn giảm 3,25% so với năm 2011. Nợ ngắn hạn năm 2012 cũng giảm so với năm trước; tuy nhiên do chỉ giảm 1,5% nên không đủ để làm tăng hệ số thanh toán ngắn hạn. Tương tự với hệ số thanh toán nhanh, sau khi đã giảm trừ hàng tồn kho, tài sản ngắn hạn của Công ty giảm 4,45%, từ đó làm giảm hệ số thanh toán nhanh từ 2,79 còn 2,7 trong năm 2012.

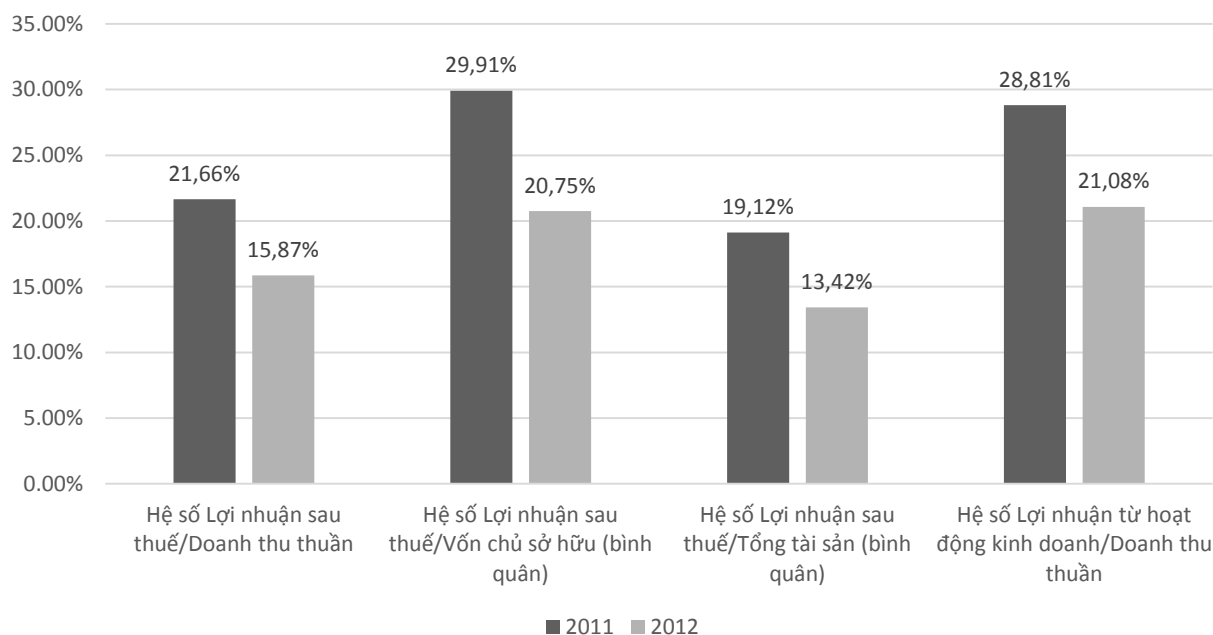
**Cơ cấu vốn**

Một điểm đáng ghi nhận của BIMICO là Công ty đã giữ ổn định cơ cấu vốn trong giai đoạn 2011 – 2012. Hệ số nợ/tổng tài sản vẫn giữ ở mức 0,35 và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu ở mức 0,55. Việc Công ty sử dụng nợ tương đối ít là một tín hiệu đáng mừng vì trong tình trạng nền kinh tế có nhiều biến động, sử dụng nhiều nợ sẽ dễ dẫn đến nhiều rủi ro. Bên cạnh đó, việc Công ty điều phối nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh không phụ thuộc quá nhiều vào nợ cho thấy khả năng chủ động tài chính và linh hoạt trong việc sử dụng nguồn vốn. Ngoài ra, trong điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, việc sử dụng ít nợ, đặc biệt là nợ ngắn hạn giúp Công ty gia tăng tính thanh khoản.

Năng lực hoạt động

Trung bình hàng tồn kho năm trong 2012 tăng 32,6% so với trung bình hàng tồn kho năm 2011. Giá vốn hàng bán chỉ tăng 8,57%; dẫn đến việc vòng quay hàng tồn kho giảm từ 14,11 còn 11,56. Hệ số doanh thu thuần/tổng tài sản giảm nhẹ còn 0,82. Nguyên nhân do doanh thu thuần năm 2012 tăng 2,81%; tuy nhiên tổng giá trị tài sản Công ty tăng đến 9,52%.

Khả năng sinh lời



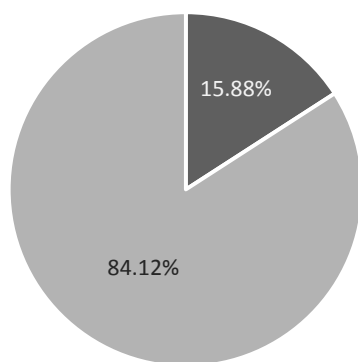
Nhìn chung các chỉ số thể hiện khả năng sinh lời của BIMICO đều giảm trong năm 2012. Doanh thu thuần năm 2012 tăng 2,81% so với năm 2011, chủ yếu là tăng ở lĩnh vực sản xuất, vật liệu xây dựng và lĩnh vực bất động sản. Tuy nhiên, các khoản chi phí nguyên vật liệu, giá cả đầu vào, chi phí quản lý, môi trường... đều tăng mạnh (đặc biệt là chi phí đầu vào của lĩnh vực khai thác, chế biến khoáng sản) nên đã làm giảm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh 24,79% và giảm lợi nhuận sau thuế 24,69% trong năm 2012. Vì thế, hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần và hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần đều giảm so với năm 2011.

Bên cạnh đó, tổng tài sản và vốn chủ sở hữu Công ty lần lượt tăng 5,29% và 5,36% đã góp phần làm giảm ROA và ROE của BIMICO còn 13,42% và 20,75% trong năm 2012.

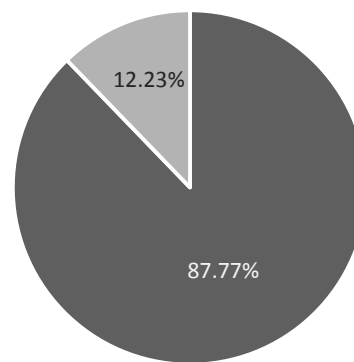


Cơ cấu cổ đông

	Số cổ phần	Tỷ lệ
Trong nước	15.798.052	87,77%
Cá nhân	2.580.914	14,34%
Tổ chức	13.217.138	73,43%
Nước ngoài	2.201.948	12,23%
Cá nhân	277.412	1,54%
Tổ chức	1.924.536	10,69%
TỔNG CỘNG	18.000.000	100,00%



■ Cá nhân ■ Tổ chức



■ Trong nước ■ Nước ngoài

Cổ đông lớn

Năm 2012, BIMICO phát hành cổ phiếu thưởng vào tháng 3, nâng vốn điều lệ Công ty lên 180 tỷ đồng. Trong đó Tổng công ty đầu tư kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) nắm giữ lượng cổ phần nhiều nhất – 50,05% vốn điều lệ.

Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
Tổng công ty đầu tư kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)	9.008.502	50,05%

Thay đổi cơ cấu chủ sở hữu

Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

Chứng khoán khác

Không có



BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

- ☐ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- ☐ Tình hình tài chính
- ☐ Cải tiến về cơ cấu, chính sách quản lý
- ☐ Kế hoạch năm 2013

*Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh***So sánh kết quả 2012 với kế hoạch**

STT	Ngành SXKD	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	So với kế hoạch
	Cơ cấu SP			
I	Ngành KT, CB khoáng sản	502.000.000.000	513.005.374.766	102,19%
1	Đá xây dựng	471.000.000.000	484.804.488.001	102,93%
2	Cao lanh	16.000.000.000	12.633.881.602	78,96%
3	Sét gạch ngói	7.000.000.000	10.330.388.160	147,58%
4	Cát	8.000.000.000	5.236.617.003	65,46%
II	Ngành SX.VLXD	34.000.000.000	39.268.204.974	115,49%
1	Gạch Tuynel	22.000.000.000	22.357.665.292	101,63%
2	Beton đúc sẵn	12.000.000.000	16.910.539.682	140,92%
III	Sản xuất nước tinh khiết, dịch vụ	8.000.000.000	5.990.886.368	74,89%
1	Nước tinh khiết	3.000.000.000	3.482.576.577	116,09%
2	Dịch vụ	5.000.000.000	2.508.309.791	50,17%
IV	Ngành bất động sản	11.000.000.000	11.353.188.296	103,21%
1	Khu CN Đất Cuốc	11.000.000.000	11.353.188.296	103,21%
2	Bất động sản khác			
V	Dịch vụ khác		8.922.987.653	
1	Doanh thu tài chính		4.490.692.875	
2	Doanh thu hoạt động khác		4.532.294.778	
	Tổng cộng	555.000.000.000	578.540.642.057	104,24%



Tổng quan cho thấy, BIMICO đã vượt 4,24% kế hoạch năm tổng doanh thu. Trong đó ngành sản xuất kinh doanh chính của Công ty là ngành khai thác, chế biến khoáng sản tăng 2,19% so với kế hoạch. Ngành sản xuất, vật liệu xây dựng và ngành bất động sản lần lượt vượt kế hoạch năm 15,49% và 3,21%. Tuy nhiên mảng dịch vụ của lĩnh vực sản xuất nước tinh khiết chỉ đạt 50,17% kế hoạch nên mặc dù doanh thu từ kinh doanh nước tinh khiết tăng 16,09% so với kế hoạch nhưng tổng doanh ngành này vẫn chỉ đạt 74,89% kế hoạch đề ra.

So sánh lợi nhuận năm 2012 với kế hoạch

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	So với kế hoạch
1	Lợi nhuận trước thuế	140.000.000.000	121.183.639.433	86,56%

Tuy tổng doanh thu năm 2012 vượt kế hoạch năm 4,24%, lợi nhuận trước thuế năm 2012 chỉ đạt 86,56% kế hoạch, chủ yếu do một số nguyên nhân sau đây:

- Doanh thu hoạt động tài chính giảm.
- Phí bảo vệ môi trường tăng theo Quyết định của UBND tỉnh Bình .
- Trích dự phòng nợ phải thu quá thời hạn.
- Trích trước chi phí cải tạo môi trường sau khai thác.
- Chi phí đầu vào tăng do giá cả vật tư biến động.

Nhận xét đánh giá

Năm 2012 là năm cực kỳ khó khăn, tuy nhiên Công ty vẫn đạt được kết quả kinh doanh tương đối tốt, giữ vững được sự ổn định là do một số nguyên nhân sau:

- Hội đồng quản trị thực hiện đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012, cùng với việc điều hành có trách nhiệm đã tạo thuận lợi, giúp xử lý nhanh chóng kịp thời những khó khăn vướng mắc để Ban điều hành thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, phát huy tối đa những lợi thế của ngành khai thác chế biến khoáng sản.
- Được trợ giúp của cơ quan ban ngành các cấp, đã giúp tháo gỡ những khó khăn, tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động.
- Sự năng động, sáng tạo, nhạy bén với tình hình của Ban Tổng giám đốc, Bộ máy quản lý và sự cố gắng phấn đấu của cán bộ công nhân lao động, sự phối hợp chặt chẽ giữa các đoàn thể, tổ chức quần chúng đoàn kết thống nhất ý chí và hành động quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ vì sự ổn định và phát triển của Công ty.
- Được sự chia sẻ cộng tác của khách hàng truyền thống, của các cổ đông lớn cung cấp các thông tin cần thiết giúp Ban điều hành có giải pháp phù hợp từng thời điểm năm 2012.
- Tuy hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2012 thấp hơn kế hoạch và thực hiện năm 2011, chưa đạt được mong muốn cũng như kỳ vọng của cổ đông nhưng đó là vẫn là kết quả hết sức tích cực làm cơ sở để chuẩn bị kế hoạch năm 2013.

Những tồn tại bất cập năm 2012

- Chưa có giải pháp tích cực về tiêu thụ sản phẩm, thiếu các biện pháp ứng phó khi gặp khó khăn để cân đối tiêu thụ với sản xuất dẫn tới hàng tồn kho nhiều và phải giảm chỉ tiêu sản xuất (như đá Phước Vĩnh, đá Tân Mỹ...)
- Không hoàn thành được chỉ tiêu xin cấp phép mở rộng xuống sâu và tăng thời hạn khai thác các mỏ đá Tân Mỹ, Phước Vĩnh để thực hiện chiến lược dài hạn sau khi kết thúc khai thác tại mỏ đá Tân Đông Hiệp.
- Công nợ bị chiếm dụng bình quân các tháng ở mức 120 tỷ (cao hơn so với năm 2011), nhiều khoản nợ kéo dài trên một năm, tiềm ẩn nhiều rủi ro có thể xuất hiện nợ xấu ảnh hưởng đến vòng quay vốn, thiếu vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và chi phí tăng, lợi nhuận giảm.
- Hoạt động xử lý môi trường được quan tâm đầu tư và xử lý nhưng vẫn còn nhiều bất cập, dẫn đến khiếu kiện phải đền bù thiệt hại làm chi phí sản xuất tăng.
- Còn vi phạm pháp luật bị xử phạt hành chính: vi phạm luật đất đai, luật xây dựng, luật môi trường, luật khoáng sản, luật thuế, tổng số tiền nộp phạt năm 2012 là: 126,562,162 đồng. Tuy không cố ý và còn nhiều bất cập trong việc áp dụng pháp luật của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, nhưng làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và uy tín của Công ty.

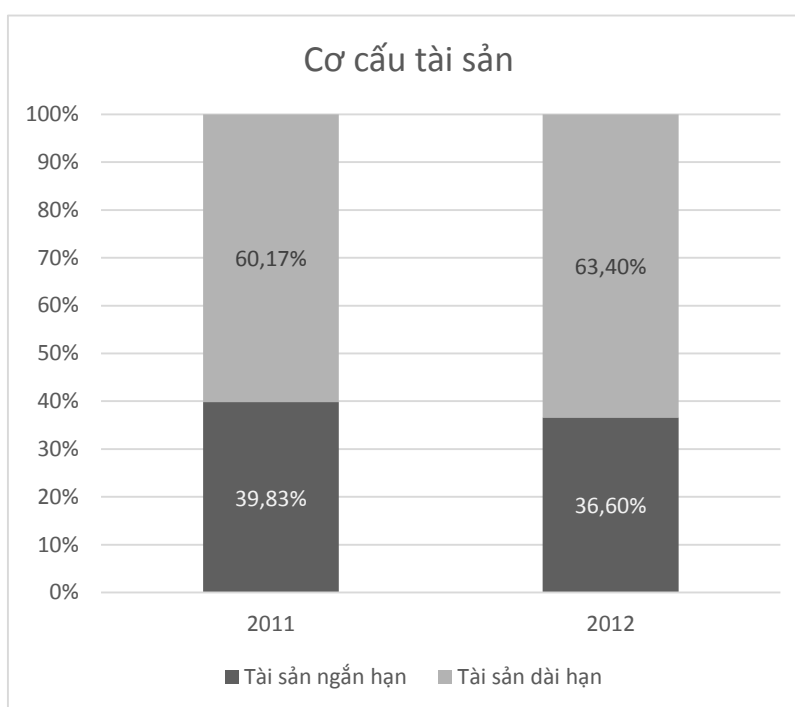


Tình hình tài chính

Cơ cấu tài sản

Chỉ tiêu	2011	2012	Tăng / Giảm
Tài sản ngắn hạn	261.318.866.913	252.824.710.857	-3,25%
Tài sản dài hạn	394.729.425.848	437.940.176.128	10,95%
Tổng tài sản	656.048.292.761	690.764.886.985	5,29%

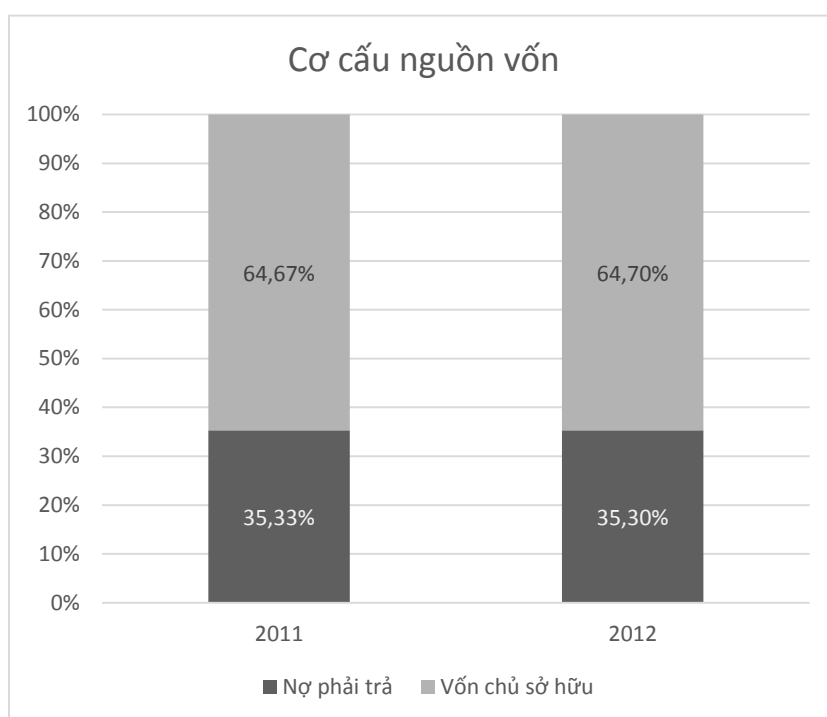
Trong giai đoạn 2011 – 2012, BIMICO giữ cơ cấu khá ổn định và không có sự thay đổi nhiều. Tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng ít hơn tài sản dài hạn. Tổng tài sản ngắn hạn giảm 3,25% so với năm 2011, chủ yếu giảm ở các khoản tương đương tiền và các khoản thuế, phải thu của nhà nước và một số hạng mục tài sản ngắn hạn khác. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn trong cơ cấu tài sản ở mức 36,6% so với con số 39,83% của năm 2011.



Năm 2012, Công ty đầu tư thêm trang thiết bị, máy móc, làm tăng khoản tài sản cố định. Công ty vẫn giữ nguyên lượng đầu tư bất động sản. Các khoản chi phí trả trước dài hạn, tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các tài sản dài hạn khác đều tăng trong năm 2012 đã góp phần làm tăng tổng giá trị tài sản dài hạn thêm 10,95% so với năm trước. Đồng thời, tỷ trọng tài sản dài hạn trong cơ cấu tài sản tăng nhẹ lên con số 63,4% trong năm 2012.

Cơ cấu nguồn vốn

Chỉ tiêu	2011	2012	Tăng / Giảm
Nợ ngắn hạn	82.418.465.496	81.178.534.613	-1,50%
Nợ dài hạn	149.391.774.849	162.630.084.472	8,86%
Tổng nợ	231.810.240.345	243.808.619.085	5,18%
Vốn chủ sở hữu	424.238.052.416	446.956.267.900	5,36%
Tổng nguồn vốn	656.048.292.761	690.764.886.985	5,29%



Tổng nợ ngắn hạn Công ty giảm 1,5% so với 2011. Trong năm, các chi phí thuế, tiền lương nhân công lao động và nhiều khoản chi phí đều tăng nhiều. Tuy nhiên, các khoản phải trả người bán và người mua trả tiền trước đều giảm, cùng với việc Công ty đã chủ động hạn chế quỹ khen thưởng và phúc lợi đã giúp Công ty giảm bớt lượng nợ ngắn hạn trong năm. Do ảnh hưởng của tình hình khó khăn

chung, doanh nghiệp bắt buộc phải tăng các khoản dự phòng phải trả dài hạn, đồng thời phần doanh thu chưa thực hiện được cũng tăng lên; từ đó làm tăng nợ dài hạn 8,86%. Bên cạnh đó, việc BIMICO không vay nợ ngắn hạn cũng như nợ dài hạn đã giúp Công ty tránh được áp lực từ việc chi trả lãi vay.

Xét tình hình tổng quan, việc Công ty giữ được ổn định cơ cấu nguồn vốn là một tín hiệu đáng vui mừng. Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu đều tăng tương đương nhau nên không gây ảnh hưởng nhiều đến cơ cấu tổng nguồn vốn.

Cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Trong năm, Ban lãnh đạo Công ty luôn chủ động trong công tác quản lý, dự báo, nắm bắt tình hình và đưa ra những chính sách hiệu quả và phù hợp tình hình thực tế, cụ thể như sau:

Quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO: 9001-2008 thực hiện nghiêm túc, được kiểm tra giám sát đánh giá thường xuyên và định kỳ, đang tiếp tục thực hiện đối với các lĩnh vực sản xuất, các sản phẩm chưa được chấp nhận.

Hệ thống kiểm soát nội bộ, bộ máy quản lý, hạch toán kế toán, chế độ báo cáo xuyên suốt từ Công ty đến các đơn vị đầu mối, tất cả các hoạt động kinh tế chặt chẽ và tập trung.

Quản trị doanh nghiệp phù hợp với tình hình thực tế và biến động từng thời điểm bảo đảm hiệu quả, thực hiện tiết kiệm, không lãng phí, ngăn chặn hạn chế tối đa thất thoát bảo vệ lợi ích của Công ty.

Thực hiện tốt an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không để xảy ra các sự cố mất an toàn cho người và tài sản.

Xử lý tốt hơn các quy định pháp luật về môi trường trước trong và sau khai thác cũng như xử lý các loại chất thải rắn, lỏng, chất thải không khí. Việc xử lý môi trường thực sự được xem là một trong những nhiệm vụ quan trọng và được tổ chức thực hiện nghiêm túc, đầu tư chi phí đáng kể để bảo đảm cho hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, an toàn tạo sự đồng thuận của cộng đồng.

Thực hiện nghiêm túc pháp luật thuế, phí, lệ phí. kê khai báo cáo thuế, nộp thuế kịp thời đúng thời gian qui định, chia cổ tức năm 2011 và tạm ứng cổ tức năm 2012 đầy đủ đúng thời gian quy định của Điều lệ cho các cổ đông.

Các quy định pháp luật liên quan đến các hoạt động của Công ty được thực hiện đầy đủ. Quá trình kiểm tra giám sát thường xuyên và định kỳ của các cơ quan quản lý nhà nước đều có kết luận nhận xét đánh giá tương đối tốt.

Kế hoạch năm 2013**Chỉ tiêu kế hoạch cụ thể doanh thu năm 2013**

STT	Ngành kinh doanh	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2013	So với 2012
I	Ngành KT, CB khoáng sản	513.005.374.766	501.410.000.000	97,74%
1	Đá xây dựng	484.804.488.001	467.450.000.000	96,42%
2	Cao lanh	12.633.881.602	23.500.000.000	186,01%
3	Sét gạch ngói	10.330.388.160	1.360.000.000	13,17%
4	Cát	5.236.617.003	9.100.000.000	173,78%
II	Ngành SX, VLXD	39.268.204.974	43.090.000.000	109,73%
1	Gạch Tuynel	22.357.665.292	22.440.000.000	100,37%
2	Beton đúc sẵn	16.910.539.682	20.650.000.000	122,11%
III	Sản xuất nước tinh khiết, dịch vụ	5.990.886.368	7.000.000.000	116,84%
1	Nước tinh khiết	3.482.576.577	4.000.000.000	114,86%
2	Dịch vụ vận tải và bốc xếp	2.508.309.791	3.000.000.000	119,60%
IV	Ngành bất động sản	11.353.188.296	13.000.000.000	114,51%
1	Khu CN Đất Cuốc	11.353.188.296	13.000.000.000	114,51%
V	Dịch vụ khác	8.922.987.653	5.000.000.000	56,04%
1	Thu nhập khác	4.432.294.778	5.000.000.000	112,81%
2	Doanh thu tài chính	4.490.692.875	0	-
	Tổng cộng	578.540.642.057	569.500.000.000	98,44%

Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế năm 2013

STT	Ngành kinh doanh	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2013	So với 2012
1	Ngành KT,CB khoáng sản	112.831.013.472	110.800.000.000	98,20%
2	Ngành SX.VLXD	2.067.825.614	2.200.000.000	106,39%
3	Sản xuất nước tinh khiết, dịch vụ	1.240.684.542	1.200.000.000	96,72%
4	Ngành bất động sản	1.038.595.743	1.200.000.000	115,54%
5	Dịch vụ khác	4.005.520.062	1.600.000.000	39,94%
	Tổng cộng	121.183.639.433	117.000.000.000	96,55%

Giải pháp thực hiện kế hoạch 2013

Công tác thị trường

Giữ vững thị trường hiện có bằng các biện pháp:

- Khách hàng truyền thống có uy tín: ưu đãi về giá, tiến độ, nợ gối đầu và linh hoạt đáp ứng từng thời điểm.
- Khách hàng do gặp nhiều khó khăn không thanh toán đúng thời gian: thỏa thuận lại tiến độ thanh toán nợ cũ đến 31/12/2012 và tiếp tục giao hàng năm 2013, thời gian thanh toán hợp lý bằng hợp đồng cụ thể.

Tìm kiếm thị trường mới để tiêu thụ toàn bộ các sản phẩm năm 2013; đa dạng hóa phương thức cung ứng: tại kho bãi, bến thủy và bất cứ địa điểm nào khách hàng yêu cầu.

Xây dựng các điểm bán lẻ ở các trung tâm: thành phố Thủ Dầu Một, thị xã Thuận An tại tỉnh Bình Dương; thị xã Đồng Xoài, Chơn Thành, Lộc Ninh tại tỉnh Bình Phước, ... để phục vụ trực tiếp cho các nhu cầu khách hàng .

Phân khúc thị trường, mời gọi các cá nhân, tổ chức tham gia để tiêu thụ sản phẩm hàng hoá trên tất cả các địa bàn hoạt động bằng chính sách cụ thể, nhất quán và xuyên suốt.

Đổi mới phương thức tiếp thị bất động sản (KCN Đất Cuốc), công khai rộng rãi những ưu đãi đối với những nhà đầu tư vào Khu công nghiệp, hoa hồng môi giới cho cá nhân, tổ chức thực hiện tiếp cận thay chủ đầu tư bằng nhiều hình thức (kể cả đối với người nước ngoài).

Công tác quản lý

Kế hoạch chi tiết và rà soát lại hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật của từng ngành nghề kinh doanh, định mức lại theo hướng tiết kiệm phù hợp với đặc điểm của từng lĩnh vực để giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm ngay từ quý I/2013.

Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật để tận dụng triệt để các loại khoáng sản, tận thu tài nguyên khác trong quá trình khai thác mỏ, vừa tăng doanh thu, vừa xử lý tốt về môi trường.

Thực hiện quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh sâu sát, chi tiết, kiểm soát chặt chẽ, công khai minh bạch các chi phí, kết quả của từng mỏ, từng đơn vị đầu mối, chống lãng phí, thất thoát dưới bất kỳ hình thức nào.

Rà soát, sửa đổi bổ sung các quy định nội bộ và các quy định pháp luật có liên quan đến các hoạt động của công ty. Tiến hành quy định lại và phổ biến sâu cho cán bộ, công nhân lao động

hiếu, nhận thức lại, ký kết giao ước thực hiện nghiêm túc ngay từ quý I/2013. Thực hiện việc bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của công ty.

Quản lý tốt nguồn vốn chủ sở hữu, tăng vòng quay vốn, phấn đấu tích cực để thu hồi nợ tồn đọng, giảm mức dư nợ bị chiếm dụng thường xuyên dưới 70 tỷ đồng, không để mất nợ.

Thực hiện các dự án và hoạt động đầu tư

Các dự án đầu tư chuyển tiếp từ năm 2012 phải nhanh chóng hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng và tổ chức vận hành ngay, phát huy hiệu quả vốn đầu tư.

Các hoạt động đầu tư phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2013 và chuẩn bị cho những năm sau phải đúng trình tự, quy định pháp luật. Bên cạnh đó, các hoạt động này phải được xem xét cân nhắc kỹ lưỡng, đúng ngành nghề kinh doanh, phương châm theo thứ tự ưu tiên, trên cơ sở nguồn lực và phát huy hiệu quả ngay sau đầu tư hoàn thành và đúng mục tiêu chiến lược phát triển của công ty, được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thực hiện các nhiệm vụ khác

Rà soát nguồn nhân lực theo kỹ năng chuyên môn đối với cán bộ quản lý cũng như công nhân lao động trực tiếp. Tiến hành xây dựng kế hoạch học tập, tập huấn để cập nhật kiến thức, nâng cao tay nghề.

Quy hoạch đội ngũ cán bộ kế thừa, đào tạo kỹ năng quản lý, kỹ năng ứng xử để thay thế Ban điều hành và tham gia HĐQT.

Thực hiện nghiêm quy trình, quy phạm sản xuất, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, bảo đảm các trang bị bảo hộ lao động, các trang bị công cụ hỗ trợ, việc làm, thu nhập và các quyền lợi của cán bộ công nhân lao động.

Thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật về môi trường và các cam kết môi trường tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đặc biệt là ngành khai thác, chế biến khoáng sản và chất thải khu công nghiệp Đất Cốc.

Quan hệ chặt chẽ với chính quyền địa phương và nhân dân trên tất cả các địa bàn hoạt động của Công ty, làm tốt nghĩa vụ xã hội và trách nhiệm với cộng đồng dân cư để ổn định và phát triển sản xuất.



BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ☐ Đánh giá hoạt động công ty
- ☐ Đánh giá hoạt động Ban Tổng giám đốc
- ☐ Kế hoạch, định hướng phát triển

Đánh giá tình hình hoạt động Công ty

Tình hình sản xuất kinh doanh

Tình hình kinh tế năm 2012 gặp nhiều khó khăn và thách thức; tuy nhiên, nhờ những lợi thế có được của Công ty, và những giải pháp phù hợp, tận dụng các cơ hội, linh hoạt trong quá trình điều hành nên kết quả sản xuất kinh doanh tương đối ổn định và đáng khích lệ.

Hiệu quả kinh doanh năm 2012 thấp hơn năm 2011 và lợi nhuận năm 2012 thấp hơn so với kế hoạch năm. Tuy không đạt được kết quả như mong muốn, nhưng xét trong tình hình chung của toàn ngành thì kết quả đó là tương đối tích cực và căn bản.

Khai thác, chế biến khoáng sản vẫn là chủ lực, là cốt lõi của công ty. Công tác duy trì và củng cố các mỏ hiện có được triển khai, chuẩn bị cơ bản các điều kiện để xin mở rộng xuống sâu, tăng thời hạn khai thác các mỏ đá: Tân Đông Hiệp, Phước Vĩnh, Tân Mỹ.

Các mỏ đá mới được khai phá : đá Minh Hoà, sét gạch ngói Tân Uyên, Phú Giáo và đã được quy hoạch khai thác khoáng sản và quy hoạch sử dụng đất của UBND tỉnh Bình Dương.

Triển khai xây dựng dự án đầu tư Nhà máy bê tông rung lõi bằng công nghệ mới và di chuyển nhà máy bê tông ly tâm. Tập trung sản xuất sản phẩm bê tông đúc sẵn đáp ứng nhu cầu thị trường hiện tại và lâu dài tại Khu công nghiệp Đất Cuốc.

BIMICO tiếp tục công tác đầu tư thiết bị máy móc, nhà xưởng, bến thủy nội địa, các trang bị cần thiết phục vụ khai thác chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, xử lý môi trường, các hoạt động khác và huy động bên ngoài.

Tình hình quản trị

Tổ chức sản xuất kinh doanh dịch vụ theo ngành nghề và địa bàn hoạt động mang tính chuyên nghiệp và phù hợp với thực tế. Tập trung đầu tư các lĩnh vực chính có chọn lọc phục vụ cho sản xuất kinh doanh hiện tại và mục tiêu lâu dài.

Kiểm soát chặt chẽ hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, hạch toán báo sổ các đơn vị đầu mối và hạch toán tập trung toàn công ty, quản trị công ty phù hợp với thực tế, thích ứng với từng thời điểm, kiểm soát được tất cả các hoạt động kinh tế, hạn chế tối đa thất thoát, bảo vệ lợi ích của công ty.

Thực hiện và duy trì quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001–2008. Thường xuyên kiểm tra đánh giá và đang mở rộng tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh.

Bổ nhiệm, đề bạt cán bộ trong Ban điều hành, bố trí và điều chỉnh cán bộ phụ trách các đầu mối phù hợp với năng lực chuyên môn đào tạo, tập huấn các kỹ năng để thực hiện nhiệm vụ được phân công, đảm bảo việc làm và thu nhập cho các cán bộ công nhân lao động toàn công ty.

Thực hiện đúng các quy định pháp luật đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ và đầu tư. Kiểm tra, thanh tra, giám sát thường xuyên và định kỳ của cơ quan quản lý nhà nước được nhận xét tương đối tốt.

Đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty đạt được trong năm 2012 là thành quả chung của toàn thể cán bộ công nhân viên. Trong đó, vai trò của Ban Tổng giám đốc là vô cùng to lớn trong công tác quản lý, điều hành và thực thi các chính sách hiệu quả và kịp thời.

Ban Tổng giám đốc thực hiện nghiêm ngặt các quy định pháp luật đối với Công ty niêm yết: công bố thông tin công khai và kịp thời các hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính và các vấn đề khác theo qui định cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và trên website của công ty.

Nắm bắt và triển khai thực hiện những quyết định, kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông và

Hội đồng quản trị. Giám sát và chỉ đạo sát sao công tác thực hiện trong năm.

Tiếp xúc và làm việc trực tiếp đối với các cổ đông khi có yêu cầu về tình hình Công ty cũng như các nhà đầu tư khác cần tìm hiểu Công ty để quyết định đầu tư.

Hoàn thành công tác tổng kết năm tài chính 2011 và tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2012.

Hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu thưởng ngày 09/03/2012, tăng vốn điều lệ từ 107 tỷ đồng lên 180 tỷ đồng.

Tạm chia cổ tức đợt 1 năm 2012 là 12% cho các cổ đông và thanh toán tạm ứng đầy đủ, nhanh chóng đúng quy định.

Định hướng phát triển

Khai thác chế biến khoáng sản là lĩnh vực kinh doanh chủ lực, trọng yếu, là điều kiện để phát triển các lĩnh vực kinh doanh khác

Khai thác hiệu quả các mỏ hiện có, tiết kiệm tài nguyên, đầu tư chế biến sâu nâng cao giá trị gia tăng.

Hoàn thành các dự án mở rộng, xuống sâu, tăng thời hạn đối với các mỏ đá: Phước Vĩnh, Tân Mỹ, Tân đông Hiệp kết hợp với đầu tư đổi mới công nghệ khai thác, chế biến để ổn định lâu dài. Tìm kiếm những mỏ khoáng sản mới, kể cả mua lại trong và ngoài tỉnh để mở rộng địa bàn, vừa sản xuất kinh doanh hàng năm, vừa là nguồn lực cân bằng thực hiện chiến lược phát triển.

Sản xuất vật liệu xây dựng

Phấn đấu tăng năng suất, phát huy hết công suất nhà máy gạch tuynel, nhà máy bê tông đúc sẵn.

Lập dự án đầu tư nhà máy sản xuất gạch không nung quy mô phù hợp liền kề nhà máy bê tông đúc sẵn tại Khu công nghiệp Đất Cuốc, bằng công nghệ mới (là lĩnh vực đang thực hiện dở dang từ đầu năm 2012).

Bất động sản

Khu công nghiệp Đất Cuốc

Xúc tiến đầu tư tích cực, linh hoạt để bán diện tích đất kinh doanh hiện tồn kho.

Khai thác kinh doanh có hiệu quả cơ sở hạ tầng khu công nghiệp: dịch vụ xử lý nước thải, mặt bằng đất trống chưa sử dụng, nhà trung tâm, nhà ở công nhân và các dịch vụ khác.

Hoàn thành các công trình đang thực hiện dở dang: Nhà máy xử lý nước thải tập trung 3.000 m³/ngày đêm (khu B), Văn phòng điều hành và quản lý KCN.

Triển khai xây dựng các nhà xưởng qui mô từ 300 m² đến 500 m² trên diện tích đất kinh doanh các lô nhỏ khu A để cho các doanh nghiệp nhỏ thuê hoặc bán kèm cơ sở hạ tầng.

Hoàn thành qui hoạch chi tiết mở rộng khu công nghiệp đã được UBND tỉnh Bình Dương và Chính Phủ cho phép.

Khu biệt thự cao cấp Bình Đức Tiến

Tiếp tục thực hiện các thủ tục đầu tư trình phê duyệt.

Lựa chọn thời điểm thích hợp sau năm 2013 triển khai dự án.

Đầu tư xây dựng khu dịch vụ để kinh doanh và sử dụng có hiệu quả đất.

Quản trị Công ty

Kế hoạch chi tiết, cụ thể và rà soát lại hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, thực hiện ngay định mức lại theo hướng tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm hàng hoá dịch vụ, cạnh tranh trên thị trường, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hành tiết kiệm, công khai minh bạch chi phí, chống lãng phí thất thoát dưới bất kỳ hình thức nào.

Rà soát lại nguồn nhân lực, kỹ năng chuyên môn để có kế hoạch đào tạo, tập huấn cập nhật kiến thức, nâng cao tay nghề. Quy hoạch đội ngũ cán bộ kế thừa, đào tạo kỹ năng quản lý, kỹ năng ứng xử để thay thế trong nhiệm kỳ tới.

Các dự án đầu tư phải hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng đưa vào khai thác ngay để thu hồi vốn và có hiệu quả đúng với mục tiêu đầu tư.

Quản trị tốt nguồn vốn chủ sở hữu, bảo toàn và phát triển vốn, phấn đấu giảm mức dư nợ tồn đọng, không để mất nợ.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ☐ Hội đồng quản trị
- ☐ Ban kiểm soát
- ☐ Giao dịch và các khoản lợi ích



Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ năm giữ
1	Trần Đình Hải	Chủ tịch HĐQT	35.936	0,20%
2	Lê Hồng Thanh	Thành viên HĐQT	12.280	0,07%
3	Hoàng Văn Lộc	Thành viên HĐQT	20.187	0,11%
4	Trần Thiện Thế	Thành viên HĐQT	12.280	0,07%
5	Trương Hữu Quyền	Thành viên HĐQT	328.856	1,83%

Hoạt động của Hội đồng quản trị

a. Trong năm 2012, Hội đồng quản trị đã tổ chức 4 cuộc họp

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Trần Đình Hải	Chủ tịch HĐQT	4	100%
2	Lê Hồng Thanh	Thành viên HĐQT	4	100%
3	Hoàng Văn Lộc	Thành viên HĐQT	4	100%
4	Trần Thiện Thế	Thành viên HĐQT	4	100%
5	Trương Hữu Quyền	Thành viên HĐQT	4	100%

b. Hoạt động giám sát Tổng giám đốc

- Giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012
- Giám sát và đánh giá việc thực hiện các dự án đầu tư: các công trình đã hoàn thành, các dự án đang thực hiện dở dang và chuẩn bị đầu tư trên các lĩnh vực khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, bất động sản và dịch vụ.
- Tiếp tục thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để xin cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép và gia hạn đối với các mỏ hiện có về độ sâu và thời gian: mỏ Tân Đông Hiệp, mỏ Phước Vĩnh, mỏ Tân Mỹ.

c. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị năm 2012

Trong năm 2012, Hội đồng quản trị đã đưa ra một nghị quyết

Ngày ra nghị quyết: 15/09/2012

Số nghị quyết: 01/2012/NQ-HĐQT

Nội dung nghị quyết:

- Thông qua kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh 8 tháng năm 2012
- Thống nhất tập trung chỉ đạo hoàn thành các chỉ tiêu còn lại của kế hoạch năm 2012
- Thông qua báo cáo về tình hình đầu tư các dự án: đã hoàn thành, đang thực hiện đang dở và chuẩn bị đầu tư mới trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty. Phấn đấu hoàn thành đúng kế hoạch, đúng tiến độ và sớm đưa vào sử dụng.
- Thống nhất giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc lựa chọn thêm Phó Tổng giám đốc và quyết định bổ nhiệm vào thời gian thích hợp.
- Thống nhất tạm thời chia cổ tức đợt 1 năm 2012 là 12% vốn điều lệ, thời điểm chi trả giao cho Tổng giám đốc quyết định.

Hoạt động của các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

Không có

Ban kiểm soát

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Nguyễn Quang Nhật	Trưởng Ban kiểm soát	8.158	0,04%
2	Nguyễn Hoàng Tâm	Thành viên Ban kiểm soát	5.719	0,03%
3	Phạm Thanh Tùng	Thành viên Ban kiểm soát	11.775	0,06%

Hoạt động của Ban kiểm soát

Kiểm soát tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2012, kiểm soát các mặt hoạt động của công ty trong phạm vi chức năng quyền hạn của Ban kiểm soát; xem xét các báo cáo tài chính quý, năm; xem xét việc trích lập và sử dụng các nguồn quỹ; giám sát việc đầu tư dự án: Nhà máy cầu kiện bê tông đúc sẵn.

Hàng quý Ban kiểm soát tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; kiểm tra tính đúng, đủ, chính xác trong ghi chép sổ sách kế toán; kết hợp các đợt đi kiểm tra thực tế tại các đơn vị trực thuộc công ty, tham gia việc kiểm kê cuối năm.

Trong năm 2012, các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát đều được tham gia đầy đủ, đây là điều kiện thuận lợi để nắm bắt Nghị quyết của Hội đồng quản trị và giám sát tình hình tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Ban kiểm soát không phát hiện có các dấu hiệu bất thường về tình hình tài chính của công ty, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc công ty không làm trái với các quy định của Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật. Việc trích lập và sử dụng tiền thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2012 đúng như Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua. Việc trích lập các quỹ theo Điều lệ hoạt động của Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông biểu quyết. Trong năm 2012 và đến thời điểm báo cáo, Ban kiểm soát chưa nhận được các đơn thư khiếu nại, thắc mắc gì của các cổ đông.

Nhận xét đánh giá của Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị có chủ động trong việc hoạch định chiến lược kinh doanh ngắn hạn cũng như kế hoạch lâu dài nhằm đưa công ty phát triển bền vững.

Bộ máy quản lý điều hành và nghiệp vụ công ty thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao cho. Ban Tổng Giám đốc công ty có nhiều cố gắng trong công tác điều hành sản xuất, kinh doanh nhằm đem hiệu quả cao cho công ty.

Công tác quyết toán tài chính của công ty được thực hiện hàng quý, công ty chấp hành tốt về khâu hoá đơn, chứng từ, sổ sách kế toán, kê khai thuế và các quy định khác của pháp luật quy định. Công tác kế toán quản trị đảm bảo đáp ứng kịp thời cho việc điều hành công ty. Công tác quyết toán tài chính của công ty được thực hiện hàng quý, công ty chấp hành tốt về khâu hoá đơn, chứng từ, sổ sách kế toán, kê khai thuế và các quy định khác của pháp luật quy định. Công tác kế toán quản trị đảm bảo đáp ứng kịp thời cho việc điều hành công ty.

Giao dịch và các khoản thù lao của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát

Các khoản thù lao

Trong năm 2012, tổng mức lương, thưởng và các khoản thù lao khác của Ban Tổng giám đốc là 2.480.725.000 đồng.

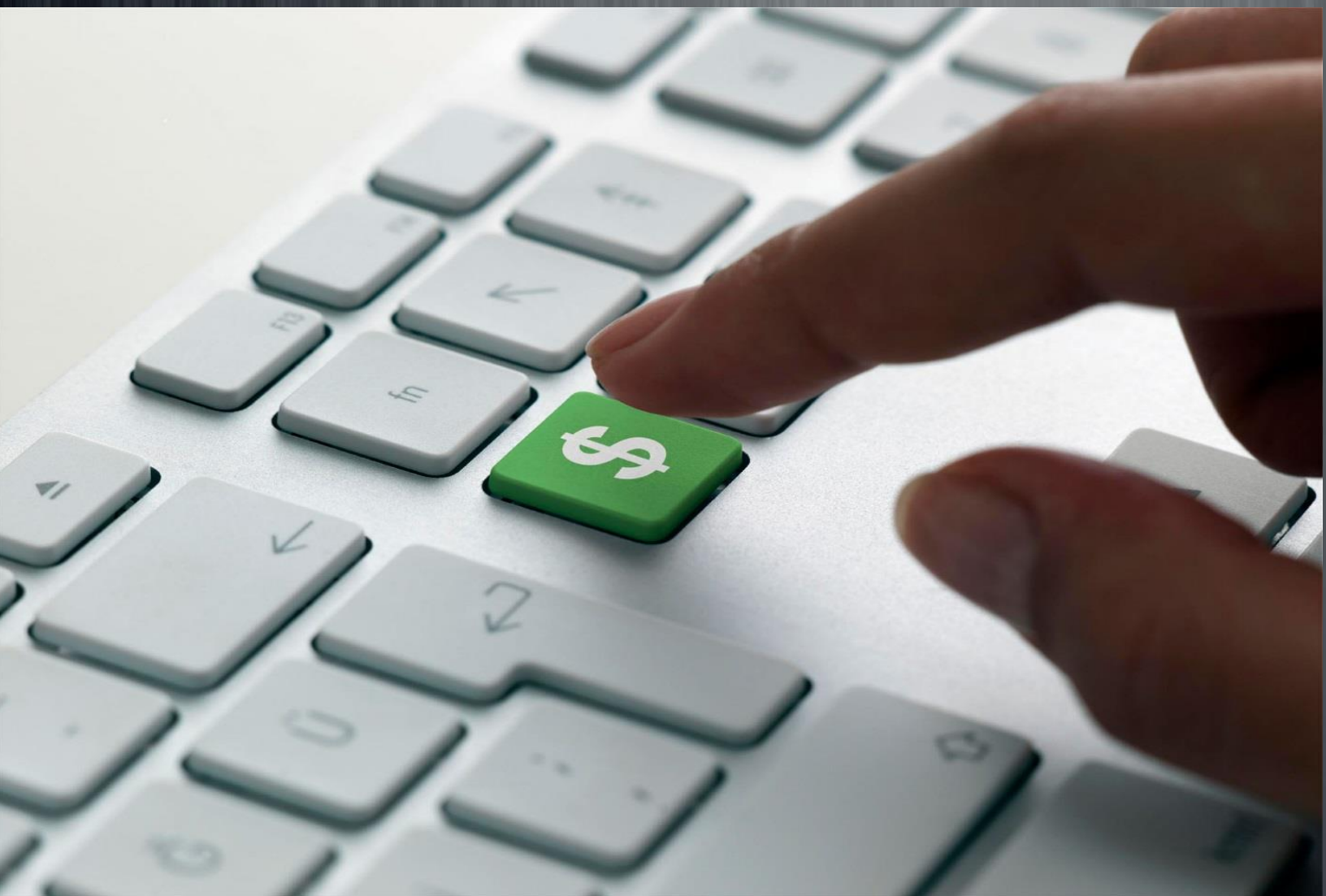
Giao dịch

Không có

Các giao dịch khác

Không có





BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012

☐ Ý kiến kiểm toán

☐ Báo cáo tài chính 2012 đã kiểm toán

Số: 0349 /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 23 tháng 3 năm 2013 từ trang 3 đến trang 22. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Nữ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 23 tháng 3 năm 2013
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Bùi Văn Trịnh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1808/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		252.824.710.857	261.318.866.913
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	89.690.721.507	103.947.106.520
1. Tiền	111		16.638.155.007	12.888.734.775
2. Các khoản tương đương tiền	112		73.052.566.500	91.058.371.745
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		125.689.443.851	120.336.207.848
1. Phải thu khách hàng	131		128.181.120.181	105.570.108.900
2. Trả trước cho người bán	132		2.815.371.018	8.751.042.983
3. Các khoản phải thu khác	135		495.859.487	6.015.055.965
4. Dự phòng nợ phải thu khó đòi	139		(5.802.906.835)	-
III. Hàng tồn kho	140	6	33.306.547.290	31.584.535.536
1. Hàng tồn kho	141		33.306.547.290	33.297.528.884
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.712.993.348)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.137.998.209	5.451.017.009
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.214.587.585	1.962.125.558
2. Thuê giá trị gia tăng được khấu trừ	152		300.445.606	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	7	63.861.809	2.638.817.456
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		559.103.209	850.073.995
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+260)	200		437.940.176.128	394.729.425.848
I. Tài sản cố định	220		204.045.876.020	175.418.351.759
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	99.331.836.993	95.767.405.329
- Nguyên giá	222		205.699.832.816	183.487.969.658
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(106.367.995.823)	(87.720.564.329)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	1.247.912.372	1.358.082.855
- Nguyên giá	228		2.116.596.200	2.116.596.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(868.683.828)	(758.513.345)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	103.466.126.655	78.292.863.575
II. Bất động sản đầu tư	240	11	162.004.200.991	165.870.482.395
- Nguyên giá	241		177.250.751.137	177.250.751.137
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(15.246.550.146)	(11.380.268.742)
III. Tài sản dài hạn khác	260		71.890.099.117	53.440.591.694
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	66.293.421.100	51.027.631.684
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	2.072.182.256	533.870.063
3. Tài sản dài hạn khác	268		3.524.495.761	1.879.089.947
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		690.764.886.985	656.048.292.761

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: Đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		243.808.619.085	231.810.240.345
I. Nợ ngắn hạn	310		81.178.534.613	82.418.465.496
1. Phải trả người bán	312		11.933.705.271	14.779.277.262
2. Người mua trả tiền trước	313		31.563.280.695	36.599.511.244
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	3.175.799.745	848.776.800
4. Phải trả người lao động	315		11.882.853.856	7.991.365.167
5. Chi phí phải trả	316		3.293.184.746	769.783.737
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		3.755.883.510	2.315.816.856
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		15.573.826.790	19.113.934.430
II. Nợ dài hạn	330		162.630.084.472	149.391.774.849
1. Dự phòng phải trả dài hạn	337		19.650.354.994	15.126.066.375
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		142.979.729.478	134.265.708.474
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400	15	446.956.267.900	424.238.052.416
I. Vốn chủ sở hữu	410		446.956.267.900	424.238.052.416
1. Vốn cổ phần	411		180.000.000.000	107.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		37.000.000.000	37.000.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		131.678.773.009	160.236.640.656
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		24.481.753.296	20.075.967.659
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		73.795.741.595	99.925.444.101
TỔNG NGUỒN VỐN (440=400)	440		690.764.886.985	656.048.292.761

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (đồng)		-	-
2. Ngoại tệ			
Đô la Mỹ		2.801.824	2.788.588
Euro		7	-

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2013





Nguyễn Hoàng Tâm
Người lập

Lục Thanh Sang
Kế toán trưởng

Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 02-DN

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		569.617.654.404	554.031.490.388
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	16	569.617.654.404	554.031.490.388
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	374.930.089.536	345.328.009.405
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	24	194.687.564.868	208.703.480.983
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	4.490.692.875	14.824.051.918
6. Chi phí tài chính	22		1.608.450.167	-
7. Chi phí bán hàng	24		48.299.150.823	40.177.169.184
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		29.210.294.674	23.717.878.122
8. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		120.060.362.079	159.632.485.595
10. Thu nhập khác	31		4.432.294.778	2.830.615.480
11. Chi phí khác	32		3.309.017.424	981.191.703
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	20	1.123.277.354	1.849.423.777
13. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		121.183.639.433	161.481.909.372
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	32.340.992.366	42.117.235.189
15. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	52	14	(1.538.312.193)	(639.302.226)
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		90.380.959.260	120.003.976.409
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	5.552	10.664

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2013


Nguyễn Hoàng Tâm
Người lập

Lục Thanh Sang
Kế toán trưởngTrần Đình Hải
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 03-DN

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	121.183.639.433	161.481.909.372
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	26.723.478.406	24.825.472.166
- Các khoản dự phòng	03	4.089.913.487	1.052.914.625
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	196.489.067	(5.250.593.682)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.470.060.975)	(9.560.463.007)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	147.723.459.418	172.549.239.474
- Biến động các khoản phải thu	09	(8.484.868.925)	(45.693.671.957)
- Biến động hàng tồn kho	10	(9.018.406)	(14.027.208.825)
- Biến động các khoản phải trả	11	17.225.873.328	14.140.452.989
- Biến động chi phí trả trước	12	2.505.829.576	(29.010.465.257)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(30.617.387.244)	(40.063.925.447)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(20.922.708.084)	(23.574.840.568)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	107.421.179.663	34.319.580.409
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(81.111.389.134)	(49.911.288.120)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.527.272.727	656.818.182
3. Thu lãi tiền gửi	27	4.293.285.198	8.913.379.513
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(75.290.831.209)	(40.341.090.425)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(46.190.244.400)	(54.570.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(46.190.244.400)	(54.570.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(14.059.895.946)	(60.591.510.016)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	103.947.106.520	159.288.022.854
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(196.489.067)	5.250.593.682
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	89.690.721.507	103.947.106.520

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2013



Nguyễn Hoàng Tâm
Người lập



Lục Thanh Sang
Kế toán trưởng



Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000226 ngày 27 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, và giấy chứng nhận điều chỉnh. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương, một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế điều chỉnh số 3700148825 ngày 9 tháng 3 năm 2012, Công ty tăng vốn điều lệ lên 180.000.000.000 đồng. Trong đó, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước hiện đang sở hữu 50,05% vốn điều lệ của Công ty, các cổ đông khác nắm giữ 49,95%.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 515 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 528 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng (không sản xuất gạch nung, ngói nung tại trụ sở chính); sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các công trình giao thông, công trình dân dụng, cụm công nghiệp, điện cơ mỏ; kinh doanh nhà ở; sản xuất, gia công và kinh doanh các loại thép hình, cấu kiện bê tông đúc sẵn; kinh doanh xăng dầu; đầu tư kinh doanh khu du lịch; nuôi trồng, sản xuất các mặt hàng nông sản thực phẩm; khảo sát, đo đạc địa hình, thăm dò địa chất và thi công giếng khoan, khai thác nước ngầm.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay gặp các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng hoặc sản xuất bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

Năm

Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 – 15
Máy móc và thiết bị	3 – 12
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị văn phòng	3 – 6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình, bao gồm quyền sử dụng đất và giá trị phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất thể hiện các chi phí phát sinh để có quyền sử dụng khu đất 41.632 m² tại xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 38 năm. Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc tại khu công nghiệp Đất Cuốc tại huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp đến bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng bắt đầu từ khi đưa bất động sản vào khai thác và sử dụng đến hết thời gian đầu tư của dự án vào năm 2053.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí đền bù, giải tỏa, chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất để khai thác các mỏ đất, đá và chi phí cải tạo các mỏ đá được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ một đến ba năm. Riêng các chi phí trả trước dài hạn liên quan đến mỏ đá Tân Mỹ được phân bổ theo sản lượng khai thác tối đa trong năm năm theo thời gian hoạt động của mỏ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.
- d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Theo điều lệ, Công ty sẽ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế hàng năm theo tỷ lệ sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15%
Quỹ đầu tư phát triển	5%
Quỹ dự phòng tài chính	5%

Riêng Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2012 là 2.100.000.000 đồng.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	461.491.000	753.818.652
Tiền gửi ngân hàng	16.176.664.007	12.134.916.123
Các khoản tương đương tiền	73.052.566.500	91.058.371.745
	89.690.721.507	103.947.106.520

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng đô la Mỹ và đồng Việt Nam với thời gian đáo hạn là 3 tháng hoặc ngắn hơn. Các khoản tiền gửi này được hưởng lãi suất cố định 9%/năm cho tiền gửi bằng đồng Việt Nam và 0,5%/năm cho khoản tiền gửi bằng đô la Mỹ.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	5.344.110.082	4.927.634.721
Công cụ, dụng cụ	227.096.439	20.043.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	272.108.879	240.564.035
Thành phẩm	27.463.201.890	28.109.287.128
Hàng hóa	30.000	-
	33.306.547.290	33.297.528.884
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.712.993.348)
	33.306.547.290	31.584.535.536

Trong năm 2012, Công ty hoàn nhập lại khoản dự phòng với giá trị là 1.712.993.348 đồng do hàng hóa đã được bán trong năm.

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	63.861.809	1.944.184.625
Thuế thu nhập cá nhân	-	665.229.663
Các loại thuế khác	-	29.403.168
	63.861.809	2.638.817.456

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc và thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2012	48.767.233.411	92.371.453.054	40.164.277.868	2.185.005.325	183.487.969.658
Tăng trong năm	8.424.341.237	7.554.846.463	-	1.356.098.947	17.335.286.647
Chuyển từ xây dựng cơ bản	1.230.614.385	6.134.293.903	3.103.900.000	-	10.468.808.288
Thanh lý	(1.925.172.550)	(3.276.751.526)	(359.810.523)	(30.497.178)	(5.592.231.777)
Tại ngày 31/12/2012	56.497.016.483	102.783.841.894	42.908.367.345	3.510.607.094	205.699.832.816
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2012	21.602.993.478	44.016.811.275	20.205.684.399	1.895.075.177	87.720.564.329
Khấu hao trong năm	5.021.929.468	11.370.183.705	6.154.518.871	200.394.475	22.747.026.519
Thanh lý	(1.668.160.645)	(2.041.126.679)	(359.810.523)	(30.497.178)	(4.099.595.025)
Tại ngày 31/12/2012	24.956.762.301	53.345.868.301	26.000.392.747	2.064.972.474	106.367.995.823
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2012	31.540.254.182	49.437.973.593	16.907.974.598	1.445.634.620	99.331.836.993
Tại ngày 31/12/2011	27.164.239.933	48.354.641.779	19.958.593.469	289.930.148	95.767.405.329

Tài sản cố định bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 24.983.782.301 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 22.207.292.044 đồng).

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2012	1.807.721.600	308.874.600	2.116.596.200
Tăng trong năm	-	-	-
Tại 31/12/2012	1.807.721.600	308.874.600	2.116.596.200
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2012	526.073.225	232.440.120	758.513.345
Trích khấu hao trong năm	75.477.147	34.693.336	110.170.483
Tại ngày 31/12/2012	601.550.372	267.133.456	868.683.828
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	1.206.171.228	41.741.144	1.247.912.372
Tại ngày 31/12/2011	1.281.648.375	76.434.480	1.358.082.855

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Khu công nghiệp Đất Cuốc	47.400.929.699	38.334.680.000
Mỏ đá Phước Vĩnh	-	1.486.750.000
Mỏ đá Tân Mỹ	5.717.600.000	5.000.000.000
Mỏ đất xã Minh Long	2.373.950.000	18.084.991.350
Khác	47.973.646.956	15.386.442.225
	103.466.126.655	78.292.863.575

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Cơ sở hạ tầng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2012 và 31/12/2012	30.436.883.639	146.813.867.498	177.250.751.137
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2012	3.681.119.648	7.699.149.094	11.380.268.742
Trích khấu hao trong năm	1.308.446.464	2.557.834.940	3.866.281.404
Tại ngày 31/12/2012	4.989.566.112	10.256.984.034	15.246.550.146
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	25.447.317.527	136.556.883.464	162.004.200.991
Tại ngày 31/12/2011	26.755.763.991	139.114.718.404	165.870.482.395

Bất động sản đầu tư thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Đất Cuốc tại huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư vì Công ty có ý định nắm giữ lâu dài bất động sản đầu tư và đồng thời không có cơ sở định giá cũng như không có tài sản nào cùng loại để xác định giá trị hợp lý của những bất động sản đầu tư này.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu năm	51.027.631.684	23.778.071.858
Tăng trong năm	24.549.627.427	38.453.209.024
Phân bổ vào chi phí trong năm	(9.283.838.011)	(11.203.649.198)
Số dư cuối năm	<u>66.293.421.100</u>	<u>51.027.631.684</u>

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.250.236.016	526.630.894
Thuế tài nguyên	390.267.268	322.145.906
Thuế thu nhập cá nhân	355.957.331	-
Phí bảo vệ môi trường	179.339.130	-
	<u>3.175.799.745</u>	<u>848.776.800</u>

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các năm trước.

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác <u>VND</u>	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Tại ngày 1/1/2011	1.857.181.593	(1.962.613.756)	(105.432.163)
Ghi tăng/(giảm) lợi nhuận	1.951.950.647	(1.312.648.421)	639.302.226
Tại ngày 31/12/2011	<u>3.809.132.240</u>	<u>(3.275.262.177)</u>	<u>533.870.063</u>
Ghi tăng lợi nhuận	1.151.708.895	386.605.684	1.538.312.193
Tại ngày 31/12/2012	<u>4.960.841.135</u>	<u>(2.888.656.493)</u>	<u>2.072.182.256</u>

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ cho mục đích trình bày báo cáo tài chính:

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(2.888.658.879)	(3.275.262.177)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u>4.960.841.135</u>	<u>3.809.132.240</u>
	<u>2.072.182.256</u>	<u>533.870.063</u>

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Được phép phát hành:		
Số lượng cổ phần	18.000.000	10.700.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	<u>180.000.000.000</u>	<u>107.000.000.000</u>
Đã được phát hành và góp vốn đủ:		
Số lượng cổ phần	18.000.000	10.700.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	<u>180.000.000.000</u>	<u>107.000.000.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ	Vốn khác chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự tài chính	Lợi nhuận chưa phân	Tổng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư tại	107.000.000	37.000.000.	69.397.461.	65.133.475.	14.645.936.	85.119.987.	378.296.860
Lợi nhuận trong	-	-	-	-	-	120.003.97	120.003.976
Phân phối các	-	-	-	5.705.704.0	5.705.704.0	(30.628.52	(19.217.112
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(54.570.00	(54.570.000
Kết chuyển	-	-	(69.397.461	89.397.461.	-	(20.000.00	-
Chi tiêu theo	-	-	-	-	(275.672.48	-	(275.672.48
Số dư tại	107.000.000	37.000.000.	-	160.236.640	20.075.967.	99.925.444.	424.238.052
Tăng vốn trong	73.000.000.	-	-	(73.000.000	-	-	-
Lợi nhuận trong	-	-	-	-	-	90.380.959.	90.380.959.
Phân phối các	-	-	-	4.442.132.3	4.442.132.3	(24.310.66	(15.426.397
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(52.200.00	(52.200.000
Kết chuyển	-	-	-	40.000.000.	-	(40.000.00	-
Giảm khác	-	-	-	-	(36.346.71	-	(36.346.716
Số dư tại	180.000.000	37.000.000.	-	131.678.773	24.481.753.	73.795.741.	446.956.267

Trong năm 2012, Công ty đã chia cổ tức đợt 2 năm 2011 là 30.600.000.000 đồng từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2011 với tỷ lệ là 39% mệnh giá và Chia cổ tức đợt 1 năm 2012 là 21.600.000.000 đồng từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2012 với tỷ lệ là 12% mệnh giá. Công ty cũng trích lập Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận chưa phân phối với số tiền là 40.000.000.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 10 tháng 4 năm 2012.

Trong năm 2012, Ban Giám đốc Công ty đã tạm trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính lần lượt là 12.788.327.230 đồng, 4.262.775.743 đồng, 4.262.775.743 đồng và quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát là 2.100.000.000 đồng. Số liệu trích các quỹ sau cùng sẽ được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt chính thức tại đại hội thường niên.

Việc tăng vốn trong kỳ được thực hiện theo Nghị quyết số 02/2011 của Đại hội đồng cổ đông ngày 8 tháng 11 năm 2011 thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện quyền là 1:0,68226 và tổng số cổ phiếu thưởng phát hành đợt này là 7.300.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng. Nguồn vốn được sử dụng để phát hành là Quỹ đầu tư phát triển. Ngày 10 tháng 4 năm 2012, số cổ phiếu thưởng này chính thức được giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh theo Quyết định số 332/2012/TB-SGDHCM ngày 29 tháng 3 năm 2012.

16. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Doanh thu bán hàng	548.886.865.190	537.376.634.410
Doanh thu cho thuê khu công nghiệp và dịch vụ khác	20.730.789.214	16.654.855.978
	<u>569.617.654.404</u>	<u>554.031.490.388</u>

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Giá vốn hàng bán	362.576.587.067	335.249.949.963
Giá vốn cho thuê khu công nghiệp và dịch vụ khác	12.353.502.469	10.078.059.442
	<u>374.930.089.536</u>	<u>345.328.009.405</u>

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	57.232.902.744	45.757.401.280
Chi phí nhân công	54.928.550.166	47.034.497.631
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.398.737.967	23.790.970.715
Chi phí dịch vụ mua ngoài	249.061.122.233	230.661.240.848
Chi phí khác	65.818.221.923	61.978.946.237
	<u>452.439.535.033</u>	<u>409.223.056.711</u>

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Lãi tiền gửi	4.435.425.000	8.913.379.513
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	5.250.593.682
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	55.267.875	-
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	660.078.723
	<u>4.490.692.875</u>	<u>14.824.051.918</u>

20. LỢI NHUẬN KHÁC

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	1.531.363.636	390.909.091
Các khoản thu nhập khác	2.900.931.142	2.439.706.389
Thu nhập khác	<u>4.432.294.778</u>	<u>2.830.615.480</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	1.100.385.128	9.734.688
Các khoản khác	2.208.632.296	971.457.015
Chi phí khác	<u>3.309.017.424</u>	<u>981.191.703</u>
Lợi nhuận khác	<u>1.123.277.354</u>	<u>1.849.423.777</u>

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	121.183.639.433	161.481.909.372
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.497.831.168)	(5.250.593.682)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	<u>9.678.161.198</u>	<u>12.237.625.067</u>
Thu nhập chịu thuế	<u>129.363.969.463</u>	<u>168.468.940.757</u>
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>32.340.992.366</u>	<u>42.117.235.189</u>

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cơ bản có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Lợi nhuận sau thuế	90.380.959.260	120.003.976.409
Trừ: - Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	(5.250.593.682)
Trừ/Cộng: - Thu nhập/Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	<u>(1.538.312.193)</u>	<u>(639.302.225)</u>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>88.842.647.067</u>	<u>114.114.080.502</u>
Số cổ phần đang lưu hành bình quân (cổ phần)	16.000.000	10.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>5.552</u>	<u>10.664</u>

23. CAM KẾT CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Doanh thu cho thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	<u>4.275.171.561</u>	<u>4.096.756.429</u>

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết cho thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Trong vòng một năm	4.225.982.516	3.989.400.461
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	15.957.601.846	15.957.601.846
Sau năm năm	149.140.151.490	153.126.821.355
	<u>169.323.735.852</u>	<u>173.073.823.662</u>

Các khoản cam kết cho thuê hoạt động thể hiện các khoản tiền thuê phải thu từ việc cho thuê đất tại khu công nghiệp Đất Cuốc với hạn thuê trung bình 47 năm.

24. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và lợi ích kinh tế của Công ty tương đối khác biệt trên hai lĩnh vực kinh doanh khoáng sản và lĩnh vực cho thuê khu công nghiệp. Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh bộ phận trong năm như sau:

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Hoạt động kinh doanh khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng		
Doanh thu	558.264.466.108	543.904.276.107
Giá vốn	(362.576.587.067)	(335.844.036.871)
Lợi nhuận gộp	<u>195.687.879.041</u>	<u>208.060.239.236</u>
Hoạt động cho thuê khu công nghiệp		
Doanh thu	11.353.188.296	10.127.214.281
Giá vốn	(10.314.592.553)	(9.483.972.534)
Lợi nhuận gộp	<u>1.038.595.743</u>	<u>643.241.747</u>

Bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo tài chính này không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý bởi vì hoạt động của Công ty chỉ nằm trên lãnh thổ Việt Nam và các khu vực địa lý đó điều không khác biệt nhiều về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế.

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	89.690.721.507	103.947.106.520
Phải thu khách hàng và phải thu khác	128.676.979.668	111.585.164.865
Tài sản tài chính khác	4.083.598.970	2.729.163.942
Tổng cộng	222.451.300.145	218.261.435.327
	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công nợ tài chính		
Phải trả khách hàng và phải trả khác	15.689.588.781	17.095.094.118
Chi phí phải trả	3.293.184.746	769.783.737
Tổng cộng	18.982.773.527	17.864.877.855

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này. Giá trị còn lại ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ	-	-	58.221.896.694	58.080.713.572
Euro	-	-	197.604	-

Như trình bày tại thuyết minh số 27, Công ty có rủi ro tỷ giá phát sinh trong việc thanh toán lại các khoản tiền thuê nhận trước từ khách hàng thuê khu công nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Ảnh hưởng của khoản chênh lệch tỷ giá này đã được công ty đảm bảo bằng việc ký gửi ngoại tệ ngắn hạn tại ngân hàng.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng lâu năm.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	89.690.721.507	-	89.690.721.507
Phải thu khách hàng và phải thu khác	128.676.979.668	-	128.676.979.668
Tài sản tài chính khác	4.083.598.970	-	4.083.598.970
	222.451.300.145	-	222.451.300.145
31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	15.689.588.781	-	15.689.588.781
Chi phí phải trả	3.293.184.746	-	3.293.184.746
	18.982.773.527	-	18.982.773.527
Chênh lệch thanh khoản thuần	203.468.526.618		203.468.526.618
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	103.947.106.520	-	103.947.106.520
Phải thu khách hàng và phải thu khác	111.621.136.545	-	111.621.136.545
Tài sản tài chính khác	2.729.163.942	-	2.729.163.942
	218.297.407.007	-	218.297.407.007
31/12/2011			
Phải trả người bán và phải trả khác	17.095.094.118	-	17.095.094.118
Chi phí phải trả	769.783.737	-	769.783.737
	17.864.877.855	-	17.864.877.855
Chênh lệch thanh khoản thuần	200.432.529.152	-	200.432.529.152

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Ban Giám đốc trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.480.725.000	2.156.996.000

27. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Ngày 16 tháng 6 năm 2009, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã gửi Thông báo số 205/TB-UBND tới Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bình Dương yêu cầu thu hồi giấy phép đầu tư của những công ty có hoạt động kinh doanh thuộc ngành công nghiệp gây ô nhiễm. Trong số các công ty đó, hiện có 5 Công ty đang có hợp đồng thuê đất với Công ty với số tiền thuê nhận trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 30.669.108.052 đồng (31/12/2011: 35.904.623.777 đồng gồm 6 (sáu) công ty). Từ năm 2009, Công ty không ghi nhận vào doanh thu tiền thuê đất của các công ty như đã đề cập ở trên với số tiền là 1.431.882.116 đồng. Trong trường hợp các công ty này bị thu hồi giấy phép đầu tư. Công ty sẽ phải thanh toán lại toàn bộ số tiền đã nhận được trước đây của các công ty thuê đất cùng với khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh tính theo tỷ giá của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 9.056.216.605 đồng (31/12/2011: 10.379.036.239 đồng)

Trong năm 2012, Công ty đã tiến hành hoàn trả số tiền nhận trước này cho một Công ty và chênh lệch tỷ giá hoái đoái phát sinh được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm với số tiền là 1.411.961.100 đồng.

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này. Các thay đổi cụ thể trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	Mã số	Số đã báo cáo VND	Số sau phân loại lại VND	Thay đổi thuần VND
Chi phí phải trả	316	9.269.783.737	769.783.737	(8.500.000.000)
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	6.626.066.375	-	(6.626.066.375)
Dự phòng phải trả dài hạn	338	-	15.126.066.375	15.126.066.375

29. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được Hội đồng Quản trị phê duyệt phát hành vào ngày 23 tháng 3 năm 2013.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2013


Nguyễn Hoàng Tâm
Người lập


Lục Thanh Sang
Kế toán trưởng


Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc



Chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty



CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TGD

Trần Đình Hải



*CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN
VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG*

Địa chỉ : Đại lộ Bình Dương, P. Thuận Giao, TX Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại : (0650) 382 2620 – (0650) 371 8793

Fax : (0650) 382 3922

Email : bimico@binhduong.com.vn

Website : <http://www.bimico.com.vn>